

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Lý Thị	Nhung	TND018885	1	26.75	3.5	30.25
2	Quảng Thị	Thanh	TTB005699	2	26.25	3.5	29.75
3	Bùi Thị	Huệ	LNH003858	1	26.25	3.5	29.75
4	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	1	26.25	3.5	29.75
5	Triệu Linh	Đan	TND004771	2	26.00	3.5	29.50
6	Đỗ Thị	Dung	DCN001673	1	26.00	3.5	29.50
7	Trịnh Thị	Phượng	HDT020280	1	26.00	3.5	29.50
8	Lường Văn	Đông	TTB001526	1	25.75	3.5	29.25
9	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	1	25.75	3.5	29.25
10	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	3	25.50	3.5	29.00
11	Tòng Thùy	Linh	TTB003584	1	25.50	3.5	29.00
12	Quách Thương	Hiệp	LNH003262	1	26.50	2.5	29.00
13	Hà Thị Hương	Thảo	KQH012547	1	25.50	3.5	29.00
14	Bùi Thị	Nường	HDT019148	1	25.50	3.5	29.00
15	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	1	25.50	3.5	29.00
16	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	1	25.50	3.5	29.00
17	Hà Thị	Chang	TND002060	1	25.50	3.5	29.00
18	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	2	25.25	3.5	28.75
19	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	1	25.25	3.5	28.75
20	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	1	25.25	3.5	28.75
21	Bùi Kim	Ngân	LNH006487	1	25.25	3.5	28.75
22	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	1	27.25	1.5	28.75
23	Quan Thị	Nga	DCN007886	1	25.25	3.5	28.75
24	Ma Thị Thu	Uyên	KQH015950	1	25.25	3.5	28.75
25	Bùi Thị	Giang	DCN002642	2	25.00	3.5	28.50
26	Nguyễn Ngọc	Chí	TND002333	1	25.00	3.5	28.50
27	Dương Thị	Thư	TTB006434	1	27.00	1.5	28.50
28	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	1	25.00	3.5	28.50
29	Nguyễn Thị Hiền	Châu	THV001226	1	27.00	1.5	28.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Đặng Hồng	Minh	THV008679	1	25.00	3.5	28.50
31	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001102	1	28.00	0.5	28.50
32	Đinh Thị Bích	Đoan	TND005248	1	25.00	3.5	28.50
33	Võ Thị	Huyền	TDV013985	1	27.00	1.5	28.50
34	Nguyễn Đàm Mai	Hương	TND011845	1	25.00	3.5	28.50
35	Trịnh Thị Kim	Anh	KHA000716	2	26.25	2.0	28.25
36	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	2	24.75	3.5	28.25
37	Hoàng Thị Thu	Hương	TND011773	2	24.75	3.5	28.25
38	Huỳnh Thị Kim	Thúy	THV013125	1	26.75	1.5	28.25
39	Lê Thị	Thế	TND023694	1	24.75	3.5	28.25
40	Quách Thanh	Thủy	LNH009237	1	24.75	3.5	28.25
41	Hoàng Thị Ngọc	Anh	THV000202	1	24.75	3.5	28.25
42	Lưu Thị	Mai	SPH010983	1	27.25	1.0	28.25
43	Nông Thu	Trang	DCN011942	1	24.75	3.5	28.25
44	Lê Thị	Lam	THP007705	1	27.25	1.0	28.25
45	Vừ A	Dia	TTB001020	2	24.50	3.5	28.00
46	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	TND003761	2	24.50	3.5	28.00
47	Hoàng Lệ Khánh	Linh	THV007389	1	24.50	3.5	28.00
48	Lê Thị Thúy	Huệ	TQU002229	1	26.50	1.5	28.00
49	Đoàn Thị Thùy	Linh	TND014118	1	26.50	1.5	28.00
50	Nguyễn Thị Thùy	Dương	TTB001363	1	26.50	1.5	28.00
51	Hoàng Châu	Bình	TQU000365	1	26.50	1.5	28.00
52	Trịnh Thị	Linh	TTB003597	1	26.50	1.5	28.00
53	Ma Thị Tuyết	Nhung	DCN008405	1	24.50	3.5	28.00
54	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	1	26.50	1.5	28.00
55	Bùi Thị	Phượng	LNH007269	1	24.50	3.5	28.00
56	Hoàng Thị	Phượng	TQU004408	1	24.50	3.5	28.00
57	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	1	24.50	3.5	28.00
58	Đỗ Thị	Hoài	NLS004234	1	26.50	1.5	28.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Lê Thị Cẩm	Vân	TDV035760	1	26.00	2.0	28.00
60	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	1	26.50	1.5	28.00
61	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	1	26.50	1.5	28.00
62	Bùi Thị Như	ý	DHU027524	1	27.50	0.5	28.00
63	Hoàng Thị Trà	My	TND016796	1	24.50	3.5	28.00
64	Vũ Thị	Ngân	HDT017718	2	24.25	3.5	27.75
65	Nguyễn Khánh	Linh	THV007536	2	26.25	1.5	27.75
66	Vương Hồng	Huyền	THP006755	1	26.75	1.0	27.75
67	Giang Thị Hải	Lý	TND015796	1	27.25	0.5	27.75
68	Đàm Văn	Thực	TND025270	1	24.25	3.5	27.75
69	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	1	24.25	3.5	27.75
70	Nguyễn Thị	Hồng	TND009833	1	26.25	1.5	27.75
71	Nguyễn Ngọc	Duyên	THP002592	1	26.75	1.0	27.75
72	Hoàng Thị	Thanh	HDT022547	1	26.25	1.5	27.75
73	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	1	24.25	3.5	27.75
74	Lục Thị Kiều	Trang	TQU005803	1	24.25	3.5	27.75
75	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003305	1	26.25	1.5	27.75
76	Lự Thị	Thúy	THV013127	1	24.25	3.5	27.75
77	Triệu Thị	Lấy	TND013609	1	24.25	3.5	27.75
78	Dương Văn	Tuấn	HDT028092	1	24.25	3.5	27.75
79	Lò Văn	Duyên	HDT004727	1	24.25	3.5	27.75
80	Đào Thị	Thúy	SPH016697	1	26.25	1.5	27.75
81	Doãn Thị	Hồng	HDT010018	1	26.25	1.5	27.75
82	Nông Thị	Đào	TND004806	2	24.00	3.5	27.50
83	Vy Mỹ	Linh	TND014890	2	24.00	3.5	27.50
84	Hoàng Thị	Chiên	TQU000475	2	24.00	3.5	27.50
85	Bế Thị	Hường	TND012099	2	24.00	3.5	27.50
86	Nguyễn Thị Thu	An	TND000058	2	24.00	3.5	27.50
87	Hà Thị	Luyến	TQU003406	2	24.00	3.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Nông Thị	Loan	TND015028	2	24.00	3.5	27.50
89	Chu Thị	Duyên	TND004274	2	24.00	3.5	27.50
90	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029683	1	26.00	1.5	27.50
91	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017324	1	26.50	1.0	27.50
92	Vi Thị	Vân	TND029204	1	24.00	3.5	27.50
93	Nguyễn Thị	Huế	TDV012434	1	26.00	1.5	27.50
94	Nguyễn Thị	Hồng	TTN007044	1	26.00	1.5	27.50
95	Lê Thị Kim	Ngọc	TTB004371	1	26.00	1.5	27.50
96	Trần Thị Thanh	Lam	LNH004935	1	27.00	0.5	27.50
97	Hoàng Thị	Phượng	TDV023811	1	26.50	1.0	27.50
98	Lê Thị	Duyên	THP002581	1	27.00	0.5	27.50
99	Đỗ Minh	Ngọc	THV009413	1	27.00	0.5	27.50
100	Mã Thanh	Lâm	TND013503	1	24.00	3.5	27.50
101	Lý Thái	Bảo	TND001546	1	24.00	3.5	27.50
102	Nguyễn Thị Thu	Phượng	SPH013790	1	26.00	1.5	27.50
103	Lường Thị	Hằng	TTB002030	1	24.00	3.5	27.50
104	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	1	24.00	3.5	27.50
105	Cao Thị Hồng	Phượng	TDV024229	1	24.00	3.5	27.50
106	Lê Phương	Anh	HDT000573	1	26.00	1.5	27.50
107	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013732	1	27.00	0.5	27.50
108	Hà Thị Bích	Thảo	TQU005042	1	24.00	3.5	27.50
109	Nguyễn Thị Thùy	Vân	SPH019288	1	27.00	0.5	27.50
110	Lê Quốc	Hào	TDV008777	1	26.00	1.5	27.50
111	Hoàng Thu	Hoàn	TND009280	2	23.75	3.5	27.25
112	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	2	25.75	1.5	27.25
113	Nguyễn Thị	Quỳnh	DHU019103	2	24.75	2.5	27.25
114	Kim Thảo	Linh	TQU003121	1	23.75	3.5	27.25
115	Nguyễn Văn	Dương	TDV005627	1	26.25	1.0	27.25
116	Lê Thị	Hương	HDT012158	1	26.25	1.0	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Nông Văn	Quân	TQU004497	1	23.75	3.5	27.25
118	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	1	25.75	1.5	27.25
119	Nguyễn Duy	Tuấn	KQH015443	1	25.75	1.5	27.25
120	Phạm Thị Kiều	Linh	TQU003235	1	25.75	1.5	27.25
121	Trần Phương	Anh	TTB000267	1	25.75	1.5	27.25
122	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	1	25.75	1.5	27.25
123	Lê Thị Huệ	Duyên	HDT004620	1	25.75	1.5	27.25
124	Ma Thị Thu	Hoài	TQU001996	1	23.75	3.5	27.25
125	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	1	25.75	1.5	27.25
126	Lã Thị	Linh	YTB012556	1	25.75	1.5	27.25
127	Phùng Thị Kiều	Trinh	HDT027446	1	25.75	1.5	27.25
128	Nguyễn Thị Hà	Thương	HDT025520	1	26.75	0.5	27.25
129	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001786	1	26.75	0.5	27.25
130	Bùi Thị	Quỳnh	LNH007700	1	23.75	3.5	27.25
131	Đặng Thị	Nga	TDV020349	1	25.75	1.5	27.25
132	Nguyễn Thị	Hậu	SPH005805	1	26.75	0.5	27.25
133	Nguyễn Tấn	Hòa	TQU001965	1	23.75	3.5	27.25
134	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	1	25.75	1.5	27.25
135	Hà Thị	Hằng	KQH004209	1	23.75	3.5	27.25
136	Đào Thị Tú	Linh	THV007314	1	25.75	1.5	27.25
137	Lù Thị	Tâm	DCN009835	1	23.75	3.5	27.25
138	Hoàng Hồng	Ngọc	THV009455	1	23.75	3.5	27.25
139	Trần Thị	Luyến	TND015426	1	25.75	1.5	27.25
140	Nông Thị	Son	TND021467	1	23.75	3.5	27.25
141	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	1	26.25	1.0	27.25
142	Dương Thị Lan	Anh	TND000157	2	25.50	1.5	27.00
143	Lường Thị	Hải	TTB001865	2	23.50	3.5	27.00
144	Chầu Thị	Ninh	TQU004156	2	23.50	3.5	27.00
145	Trần Thị	Oanh	TDV023128	2	25.50	1.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TTB002147	2	25.50	1.5	27.00
147	Vì Thị Thúy	An	TTB000032	2	23.50	3.5	27.00
148	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	2	26.50	0.5	27.00
149	Lương Thị Phương	Thảo	THP013325	2	26.50	0.5	27.00
150	Hoàng Thu	Hương	TND011776	2	23.50	3.5	27.00
151	Bùi Thị Lan	Anh	LNH000072	2	23.50	3.5	27.00
152	Nguyễn Hải	Lê	HDT013473	1	26.00	1.0	27.00
153	Đặng Thị	Tâm	TDV026932	1	25.50	1.5	27.00
154	Nông Phương	Thảo	TND023241	1	23.50	3.5	27.00
155	Phạm Thị	Nga	THP010025	1	26.00	1.0	27.00
156	Bùi Thị Thương	Huyền	YTB009828	1	26.50	0.5	27.00
157	Trịnh Thị	Châm	TND002122	1	23.50	3.5	27.00
158	Lê Sỹ	Cường	HDT003300	1	26.00	1.0	27.00
159	Đặng Thị	Hiền	TTB002121	1	25.50	1.5	27.00
160	Trần Thị Huyền	Trang	TQU005909	1	25.50	1.5	27.00
161	Thên Mai	Ngọc	THV009576	1	23.50	3.5	27.00
162	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	THP008419	1	26.00	1.0	27.00
163	Lương Văn	Qui	THV010880	1	23.50	3.5	27.00
164	Lô Thị ánh	Minh	TDV019267	1	23.50	3.5	27.00
165	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	1	26.00	1.0	27.00
166	Trần Diệu	Linh	TTB003588	1	25.50	1.5	27.00
167	Phạm Thị	Hằng	HDT008053	1	26.00	1.0	27.00
168	Vũ Thị	Thành	BKA011812	1	26.00	1.0	27.00
169	Cà Thị	út	TTB007347	1	23.50	3.5	27.00
170	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	1	23.50	3.5	27.00
171	Triệu Văn	Tuyển	TND028499	1	23.50	3.5	27.00
172	Hà Thị	Phương	LNH007300	1	23.50	3.5	27.00
173	Đoàn Thị Phương	Trinh	TND026914	1	23.50	3.5	27.00
174	Vương Thị Tuyết	Trinh	KQH014933	1	26.50	0.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Đỗ Thị	Uyên	KQH015939	1	26.50	0.5	27.00
176	Triệu Thị	Mây	TND016355	1	23.50	3.5	27.00
177	Hoàng Thị	Sa	THV011215	1	25.50	1.5	27.00
178	Đặng Hiền	Thương	TND025302	1	25.50	1.5	27.00
179	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	1	25.50	1.5	27.00
180	Nguyễn Đức	Thành	TQU004993	1	23.50	3.5	27.00
181	Ma Thị	ánh	TQU000275	1	23.50	3.5	27.00
182	Trần Thu	Ngân	THV009292	1	25.50	1.5	27.00
183	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009233	1	26.50	0.5	27.00
184	Lương Thị	Vân	TND029086	1	23.50	3.5	27.00
185	Đinh Thùy	Linh	LNH005244	1	25.50	1.5	27.00
186	Phạm Mai	Trang	TND026654	1	25.50	1.5	27.00
187	Hoàng Thị	Ly	HDT015740	1	25.50	1.5	27.00
188	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	1	25.50	1.5	27.00
189	Nguyễn Bá	Ngọc	THP010357	2	24.25	2.5	26.75
190	Lăng Thị	Hoài	TND009110	2	23.25	3.5	26.75
191	Hồ Thị	ánh	TDV001687	2	25.25	1.5	26.75
192	Đào Thị	Hương	HDT011993	2	25.75	1.0	26.75
193	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013721	2	26.25	0.5	26.75
194	Màng Thị	Nhọn	TTB004558	2	23.25	3.5	26.75
195	Hà Ngọc	Huyền	HDT011301	1	23.25	3.5	26.75
196	Lèng Thị	Như	TQU004142	1	23.25	3.5	26.75
197	Trương Thị Hồng	Vân	TDV035937	1	25.25	1.5	26.75
198	Nguyễn Thị	Gái	TDV007083	1	25.25	1.5	26.75
199	Nguyễn Thị Lệ	Thu	SPH016347	1	26.25	0.5	26.75
200	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	1	23.25	3.5	26.75
201	Tống Thị	Mai	HDT016152	1	25.25	1.5	26.75
202	Nguyễn Thu	Thảo	LNH008590	1	25.25	1.5	26.75
203	Đào Anh	Dũng	THV002162	1	25.25	1.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Ngô Thị	Hạnh	TND006962	1	25.75	1.0	26.75
205	Bùi Thị	Thủy	TDV030302	1	25.75	1.0	26.75
206	Bùi Thị Bằng	Trình	LNH009970	1	23.25	3.5	26.75
207	Nguyễn Thị	Nga	HDT017467	1	25.75	1.0	26.75
208	Lao Thị Hồng	Hoài	TND009109	1	23.25	3.5	26.75
209	Lao Thị Ngọc	ánh	TND001317	1	23.25	3.5	26.75
210	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	1	25.25	1.5	26.75
211	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	1	23.25	3.5	26.75
212	Nguyễn Đình	Cảnh	HDT002326	1	25.75	1.0	26.75
213	Phạm Thị	Lan	HDT013264	1	25.25	1.5	26.75
214	Đặng Thị Mỹ	Duyên	TQU000979	1	23.25	3.5	26.75
215	Bùi Thị Thúy	Hiền	THV004244	1	25.25	1.5	26.75
216	Chu Thị	Thảo	TTB005838	1	23.25	3.5	26.75
217	Trương Hải	Yến	TND030159	1	23.25	3.5	26.75
218	Lê Thị Kim	Anh	HDT000628	1	25.25	1.5	26.75
219	Đào Thị Vân	Anh	TDV000349	1	26.25	0.5	26.75
220	Nguyễn Thị Lan	Phương	TQU004348	1	25.25	1.5	26.75
221	Triệu Diễm	Quỳnh	THV011180	1	23.25	3.5	26.75
222	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	1	23.25	3.5	26.75
223	Phạm Hồng	Sơn	HDT021848	1	25.25	1.5	26.75
224	Nguyễn Hải	Yến	TDV036957	1	25.25	1.5	26.75
225	Vũ Thuỷ	Tiên	THV013361	1	25.25	1.5	26.75
226	Bàn Thị	Tuyền	TQU006280	1	23.25	3.5	26.75
227	Bùi Thị	Hà	LNH002420	1	23.25	3.5	26.75
228	Lê Thị	Nhung	HDT018777	1	26.25	0.5	26.75
229	Phạm Việt	Trình	THP015567	1	26.25	0.5	26.75
230	Nguyễn Thị Thùy	Linh	LNH005414	2	25.00	1.5	26.50
231	Hàn Thị Ngọc	Mai	KQH008728	2	23.00	3.5	26.50
232	Lã Văn	Bằng	DCN000946	2	25.50	1.0	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Nông Thị	Hằng	TND007466	2	23.00	3.5	26.50
234	Sùng Thị	Dợ	TQU000804	2	23.00	3.5	26.50
235	Nguyễn Thị	Hương	THV006207	2	23.00	3.5	26.50
236	Thào A	Pó	TTB004987	2	23.00	3.5	26.50
237	Pờ Mé	Nu	TTB004653	2	23.00	3.5	26.50
238	Nguyễn Thị	Thuận	TND024540	2	25.00	1.5	26.50
239	Sáng Thị	Chính	TQU000537	2	23.00	3.5	26.50
240	Lò Trung	Thành	TTB005740	2	23.00	3.5	26.50
241	Đàm Thị Mỹ	Linh	KQH007744	2	23.00	3.5	26.50
242	Đặng Thị Minh	Ngọc	THP010306	1	26.00	0.5	26.50
243	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	TND018396	1	23.00	3.5	26.50
244	Đậu Thị Hà	Thu	HDT024340	1	25.50	1.0	26.50
245	Nguyễn Văn	Tân	THV011742	1	25.00	1.5	26.50
246	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003309	1	25.00	1.5	26.50
247	Vũ Thị Thanh	Xuân	KQH016470	1	25.50	1.0	26.50
248	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028260	1	25.00	1.5	26.50
249	Hoàng Thị Đình	Mỹ	HDT016855	1	25.00	1.5	26.50
250	Đình Thị	Ngân	DCN007924	1	23.00	3.5	26.50
251	Lê Thị	Hằng	HDT007837	1	25.50	1.0	26.50
252	Đặng Thị	Bảy	THV000922	1	23.00	3.5	26.50
253	Lương Thị Lệ	Thu	THV012815	1	23.00	3.5	26.50
254	Nguyễn Thị Hằng	Nga	TDV020447	1	25.00	1.5	26.50
255	Đàm Thị	Trang	TND026077	1	23.00	3.5	26.50
256	Nguyễn Thu	Thoàn	TQU005304	1	23.00	3.5	26.50
257	Đỗ Mai	Hương	THP006938	1	26.00	0.5	26.50
258	Trần Uyên	Chi	TDV003028	1	25.00	1.5	26.50
259	Trịnh Thị Như	Quỳnh	HDT021335	1	23.00	3.5	26.50
260	Vũ Thùy	Linh	YTB013205	1	24.50	2.0	26.50
261	Sầm Thị	Tuyền	TND028496	1	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	1	25.00	1.5	26.50
263	Hoàng Thị	Loan	TDV017523	1	25.50	1.0	26.50
264	Lò Thị	Tiệm	TTB006534	1	23.00	3.5	26.50
265	Quàng Văn	Dũng	TTB001248	1	23.00	3.5	26.50
266	Lê Thị Bích	Thảo	DCN010221	1	26.00	0.5	26.50
267	Phan Mỹ	Hạnh	TQU001564	1	25.00	1.5	26.50
268	Lương Thị	Thảo	THV012200	1	23.00	3.5	26.50
269	Phan Thị Thùy	Trang	TDV032871	1	25.00	1.5	26.50
270	Trần Thị Thuỳ	Dương	THP002832	1	26.00	0.5	26.50
271	Tô Thị Thu	Hà	TND006459	1	23.00	3.5	26.50
272	Lê Thị	Dung	HDT003866	1	25.50	1.0	26.50
273	Lê Đình	Đạt	HDT005241	1	23.00	3.5	26.50
274	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	HVN000521	1	25.50	1.0	26.50
275	Nguyễn Thị Minh	Thư	TLA013516	1	26.00	0.5	26.50
276	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	1	25.50	1.0	26.50
277	Phạm Thị	Giang	HDT006412	1	25.50	1.0	26.50
278	Triệu Thị	Thùy	KQH013612	2	22.75	3.5	26.25
279	Hoàng Thị	Vân	HDT029488	2	25.25	1.0	26.25
280	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DCN011807	2	25.75	0.5	26.25
281	Lương Thị	Yến	TND030011	2	22.75	3.5	26.25
282	Bùi Thị	Phương	TND019724	2	22.75	3.5	26.25
283	Nông Thị	Mến	TQU003587	2	22.75	3.5	26.25
284	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	1	25.25	1.0	26.25
285	Đình Hoàng	Mai	HDT015943	1	24.75	1.5	26.25
286	Đình Thị	Hường	LNH004614	1	22.75	3.5	26.25
287	Nguyễn Nhật	Lệ	TND013711	1	24.75	1.5	26.25
288	Hoàng Thị Lan	Anh	TND000369	1	24.75	1.5	26.25
289	Lê Thị Thanh	Huyền	KQH006144	1	25.75	0.5	26.25
290	Vương Thị Linh	Chi	HDT002573	1	24.75	1.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Hà Đình	Công	THV001592	1	22.75	3.5	26.25
292	Nguyễn Thị	Định	BKA003042	1	23.25	3.0	26.25
293	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007420	1	24.75	1.5	26.25
294	Vũ Phương	Hoa	TQU001940	1	22.75	3.5	26.25
295	Lại Thị Bình	Huế	DHU007894	1	25.75	0.5	26.25
296	Trần Thị Hồng	Vinh	TDV036256	1	24.75	1.5	26.25
297	Bùi Thị Tuyết	Chinh	SPH002526	1	25.75	0.5	26.25
298	Lù Thị	Trang	THV013768	1	22.75	3.5	26.25
299	Đồng Mai	Phượng	TND019770	1	22.75	3.5	26.25
300	Hoàng Thị Mai	Liễu	TND013933	1	22.75	3.5	26.25
301	Phạm Thị Thu	Thủy	DCN011084	1	25.75	0.5	26.25
302	Lã Thị	Thanh	TQU004948	1	24.75	1.5	26.25
303	Tô Thúy	Hằng	TLA004679	1	26.25		26.25
304	Nguyễn Thị	Tình	HHA014236	1	25.25	1.0	26.25
305	Trần Thị Phương	Anh	HHA000947	1	24.75	1.5	26.25
306	Phạm Văn	Thảo	TND023293	1	24.75	1.5	26.25
307	Phan Thị	Thương	TDV031159	1	24.75	1.5	26.25
308	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	1	25.75	0.5	26.25
309	Đỗ Thuỳ	Duyên	TQU000975	1	22.75	3.5	26.25
310	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	1	25.25	1.0	26.25
311	Lê Thị Khánh	Ly	TDV018286	1	25.75	0.5	26.25
312	Lê Thị Bình	Tiên	TDV031309	1	24.75	1.5	26.25
313	Vũ Thị Bích	Châm	THP001451	1	25.75	0.5	26.25
314	Lê Thị	Hiền	TDV009806	1	24.75	1.5	26.25
315	Nguyễn Thị	Hồng	TND009799	1	24.75	1.5	26.25
316	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009221	1	24.75	1.5	26.25
317	Hoàng Thị	Duyên	TND004302	1	22.75	3.5	26.25
318	Đỗ Thị	Hoa	THV004702	1	24.75	1.5	26.25
319	Trần Thị	Hạnh	TDV008707	1	24.75	1.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Hồ Thị	Mỹ	TDV019662	1	24.75	1.5	26.25
321	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	1	26.25		26.25
322	Lò Thị	Dung	THV002060	1	22.75	3.5	26.25
323	Nguyễn Ngọc	Bích	SPH002019	1	25.75	0.5	26.25
324	Đặng Thị Thanh	Hà	TND006161	1	22.75	3.5	26.25
325	Nguyễn Trang	Ly	TQU003480	1	24.75	1.5	26.25
326	Nguyễn Thị	Lành	TDV015733	1	24.75	1.5	26.25
327	Phạm Thị	Loan	YTB013323	1	25.25	1.0	26.25
328	Nguyễn Khánh	Huyền	THV005811	1	22.75	3.5	26.25
329	Lê Thị Hồng	Vân	HDT029506	1	25.75	0.5	26.25
330	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	1	25.25	1.0	26.25
331	Vi Thị	Thuyết	THV013199	1	22.75	3.5	26.25
332	Hoàng Thị	Hồng	TLA005694	1	25.75	0.5	26.25
333	Nhữ Thị Ngọc	ánh	TLA001473	1	25.75	0.5	26.25
334	Nguyễn Anh	Thư	TDV030836	1	25.25	1.0	26.25
335	Lê Thị	Hà	HDT006658	1	25.25	1.0	26.25
336	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	1	25.75	0.5	26.25
337	Đỗ Thị	Giang	SPH004466	2	25.00	1.0	26.00
338	Vũ Thị	Phượng	YTB017528	2	25.00	1.0	26.00
339	Lường Mai	Chinh	TTB000619	2	22.50	3.5	26.00
340	Nguyễn Minh	Huyền	TDV013506	2	25.50	0.5	26.00
341	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	2	25.50	0.5	26.00
342	Bàn Thị	Hường	TND012100	2	22.50	3.5	26.00
343	Nguyễn Thị	Yến	TQU006635	2	24.50	1.5	26.00
344	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	TTN013748	2	24.50	1.5	26.00
345	Trần Thị Thu	Thuỷ	THV012932	2	24.50	1.5	26.00
346	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	2	25.00	1.0	26.00
347	Nông Văn	Nam	TTB004168	2	22.50	3.5	26.00
348	Nguyễn Thị Tú	Anh	TTB000196	2	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Tòng Thị	Thu	THV012859	2	22.50	3.5	26.00
350	Trần Lan	Hương	YTB010877	2	25.50	0.5	26.00
351	Tòng Thị	Nguyên	TTB004453	2	22.50	3.5	26.00
352	Nguyễn Thị	Trang	HDT026850	1	25.00	1.0	26.00
353	Nông Thị Mai	Trang	TND026625	1	22.50	3.5	26.00
354	Nguyễn Bích	Ngọc	TQU003919	1	24.50	1.5	26.00
355	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	1	25.00	1.0	26.00
356	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	1	24.50	1.5	26.00
357	Dương Thị Quỳnh	Trang	TDV032074	1	24.50	1.5	26.00
358	Nguyễn Thị	Vân	TDV035844	1	24.50	1.5	26.00
359	Trần Thị	Trang	TDV033109	1	24.50	1.5	26.00
360	Phạm Lâm	Oanh	LNH007144	1	24.50	1.5	26.00
361	Phạm Nhật	Lệ	THP008015	1	25.00	1.0	26.00
362	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	1	24.50	1.5	26.00
363	Đào Thị	Yến	KQH016529	1	25.00	1.0	26.00
364	Bùi Thị	Mến	HDT016401	1	22.50	3.5	26.00
365	Nguyễn Thị Hương	Lan	THV006923	1	22.50	3.5	26.00
366	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	1	25.50	0.5	26.00
367	Lê Thị	Hạnh	HDT007502	1	23.50	2.5	26.00
368	Đồng Thị Ngọc	Thơ	KQH013257	1	22.50	3.5	26.00
369	Nguyễn Thị	Quỳnh	TDV025522	1	25.00	1.0	26.00
370	Lê Thị	Thư	THV013212	1	22.50	3.5	26.00
371	Chu Thị	Ngọc	YTB015579	1	25.00	1.0	26.00
372	Nguyễn Thị	Thuận	TDV030027	1	25.00	1.0	26.00
373	Dương Thị	Dung	SPH002980	1	25.50	0.5	26.00
374	Nguyễn Thị Anh	Thư	TTB006447	1	24.50	1.5	26.00
375	Nguyễn Lưu	Ly	TQU003474	1	24.50	1.5	26.00
376	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	1	25.00	1.0	26.00
377	Phạm Thị Kiều	Dung	DHU002905	1	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Dương Ngọc	Yến	TTB007665	1	24.50	1.5	26.00
379	Nguyễn Thu	Trang	HDT026991	1	22.50	3.5	26.00
380	Vũ Thị ánh	Tuyết	THP016392	1	25.50	0.5	26.00
381	Nguyễn Mạnh	Linh	SPH009822	1	25.00	1.0	26.00
382	Hà Kim	Oanh	TTB004678	1	24.50	1.5	26.00
383	Phạm Thị Diệu	Hằng	BKA004295	1	25.50	0.5	26.00
384	Vũ Thị Minh	Nguyệt	TQU004022	1	24.50	1.5	26.00
385	Đỗ Thị	Luyến	YTB013634	1	25.00	1.0	26.00
386	Trần Thị Thanh	Mai	THP009299	1	25.50	0.5	26.00
387	Phàn Thị	Mấy	TQU003576	1	22.50	3.5	26.00
388	Đào Thùy	Trang	TQU005766	1	24.50	1.5	26.00
389	Trần Mạnh	Cường	TDV004078	1	24.50	1.5	26.00
390	Nguyễn Thị	Hằng	HDT008001	1	24.50	1.5	26.00
391	Phạm Thị	Linh	KQH008053	1	25.50	0.5	26.00
392	Hoàng Đình	Tuấn	BKA014247	1	25.50	0.5	26.00
393	Hoàng Thị	Nghiệp	TQU003878	1	22.50	3.5	26.00
394	Nguyễn Thị Thùy	Trang	TDV032669	1	24.50	1.5	26.00
395	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029704	1	24.50	1.5	26.00
396	Hoàng Thị	Trang	TQU005793	1	22.50	3.5	26.00
397	Vi Thị Thảo	Ly	TND015781	1	22.50	3.5	26.00
398	Nguyễn Văn	Thành	THV012023	1	24.50	1.5	26.00
399	Lê Phùng Thùy	Dương	TTB001343	1	24.50	1.5	26.00
400	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	SPH013096	1	25.50	0.5	26.00
401	Hoàng Thị	Ninh	TND019159	1	22.50	3.5	26.00
402	Nguyễn Bích	Hòa	TTB002379	1	24.50	1.5	26.00
403	Nguyễn Thị	Nhàn	THP010708	1	25.00	1.0	26.00
404	Đặng Thị	Thành	TDV027630	1	24.50	1.5	26.00
405	Lê Thị	Loan	HDT015087	1	24.50	1.5	26.00
406	Đào Thị Thu	Hương	TQU002596	1	22.50	3.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Lê Thị	Ninh	HDT019102	1	25.00	1.0	26.00
408	Dương Thùy	Linh	SPH009423	1	24.50	1.5	26.00
409	Trần Ngọc	Toàn	KHA010183	1	25.00	1.0	26.00
410	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	LNH002792	1	24.50	1.5	26.00
411	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	1	25.00	1.0	26.00
412	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	2	25.25	0.5	25.75
413	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	2	25.25	0.5	25.75
414	Hoàng Thị	Hiếu	TND008338	2	22.25	3.5	25.75
415	Cao Thị Thúy	Quỳnh	LNH007704	2	24.25	1.5	25.75
416	Đặng Thị	Hồng	KQH005513	2	22.25	3.5	25.75
417	Lưu Thị	Chuyên	TQU000580	2	22.25	3.5	25.75
418	Trần Thị Nguyệt	Hà	TDV008058	2	24.75	1.0	25.75
419	Lý Thị Thúy	Hường	TND012163	2	22.25	3.5	25.75
420	Nguyễn Thị	Trang	TQU005859	2	24.25	1.5	25.75
421	Nguyễn Thị	Thơm	TND024265	2	24.75	1.0	25.75
422	Ngà Thị	Nhung	THV009901	2	22.25	3.5	25.75
423	Triệu Thị	Viên	TND029263	2	22.25	3.5	25.75
424	Nguyễn Thị	Khuyên	TDV015168	2	24.25	1.5	25.75
425	Lương Thị Thu	Hoài	DCN004228	2	25.25	0.5	25.75
426	Lê Ngọc	Linh	TND014252	2	24.25	1.5	25.75
427	Triệu Việt	Chinh	THV001425	2	24.25	1.5	25.75
428	Trần Thị	Giang	TDV007480	1	25.25	0.5	25.75
429	Lê Thị	Nhung	HDT018789	1	24.75	1.0	25.75
430	Nguyễn Văn	Khảm	HDT012615	1	22.25	3.5	25.75
431	Nguyễn Việt	Hà	SPH004974	1	24.25	1.5	25.75
432	Trần Thị Kim	Chi	SPH002449	1	24.75	1.0	25.75
433	Trần Thị Trà	My	LNH006246	1	24.25	1.5	25.75
434	Lương Đình	Hùng	TND010463	1	22.25	3.5	25.75
435	Bế Thị Lệ	Thủy	TND024753	1	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Hà Thị	Linh	TDV016421	1	24.25	1.5	25.75
437	Nguyễn Hồng	Nhung	HHA010578	1	24.25	1.5	25.75
438	Tống Thị	Duyên	TND004393	1	24.25	1.5	25.75
439	Lâm Thị	Trang	TND026235	1	22.25	3.5	25.75
440	Triệu Anh	Quân	TQU004502	1	22.25	3.5	25.75
441	Đinh Thị Kim	Oanh	HDT019183	1	24.75	1.0	25.75
442	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	1	25.25	0.5	25.75
443	Lê Thị	Huệ	HDT010504	1	24.25	1.5	25.75
444	Nguyễn Thị	Thắm	THV012413	1	22.25	3.5	25.75
445	Sỹ Thị Nhật	Lệ	YTB012157	1	25.25	0.5	25.75
446	Ngô Thị	Hiếu	TDV010472	1	24.75	1.0	25.75
447	Nguyễn Thị Việt	Nga	TDV020569	1	24.25	1.5	25.75
448	Phạm Thị Huyền	Trang	THV013954	1	24.25	1.5	25.75
449	Đinh Thị Ngọc	Hà	TND006154	1	22.25	3.5	25.75
450	Phạm Mai	Linh	THP008476	1	25.25	0.5	25.75
451	Nguyễn Hồng	Phi	TND019475	1	24.75	1.0	25.75
452	Ngụy Thị	Hằng	TND007461	1	24.25	1.5	25.75
453	Nguyễn Thị	Thúy	TDV030670	1	24.25	1.5	25.75
454	Nguyễn Thị Việt	Anh	TDV001124	1	25.25	0.5	25.75
455	Trương Thị	Dịu	HHA002071	1	24.25	1.5	25.75
456	Nguyễn Thị Thu	Dung	THV002093	1	22.25	3.5	25.75
457	Phùng Thị Thu	Huế	TND010121	1	22.25	3.5	25.75
458	Hà Thu	Trang	THV013701	1	24.25	1.5	25.75
459	Nguyễn Thị Đạo	Diễn	TND003429	1	22.25	3.5	25.75
460	Tạ Duy	Thanh	DCN010032	1	25.25	0.5	25.75
461	Nguyễn Phan	Hưng	TDV014128	1	25.25	0.5	25.75
462	Hoàng Thị	Phương	SPH013614	1	25.25	0.5	25.75
463	Phạm Thị Minh	Phương	THV010544	1	24.25	1.5	25.75
464	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	THV009525	1	24.25	1.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Nguyễn Thị	Thạch	KQH012186	1	25.25	0.5	25.75
466	Nguyễn Thị	Phượng	HHA011196	1	25.25	0.5	25.75
467	Đỗ Thị	Nhung	YTB016326	1	25.25	0.5	25.75
468	Hoàng Thị Thanh	Tâm	DCN009830	1	22.25	3.5	25.75
469	Phạm Thùy	Linh	TND014702	1	25.25	0.5	25.75
470	Nguyễn Thị	Linh	TDV016872	1	24.25	1.5	25.75
471	Nguyễn Thị	Hương	TDV014409	1	24.25	1.5	25.75
472	Chu Minh	Trang	DCN011617	1	25.25	0.5	25.75
473	Đỗ Thị Hương	Trà	TND025937	1	22.25	3.5	25.75
474	Kiều Thị Thúy	Dung	KQH002034	1	25.25	0.5	25.75
475	Ngô Thị	Thùy	TDV030241	1	24.25	1.5	25.75
476	Võ Thị	Thúy	TDV030786	1	25.25	0.5	25.75
477	Hoàng Lưu	Ly	TQU003457	1	24.25	1.5	25.75
478	Hoàng Thị Thanh	Mai	TND015935	1	24.25	1.5	25.75
479	Trịnh Thị	Phượng	HDT020281	1	22.25	3.5	25.75
480	Vũ Thị Kiều	Anh	LNH000596	1	22.25	3.5	25.75
481	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	HHA014927	1	25.75		25.75
482	Chánh Kiều	Hoài	TQU001983	1	22.25	3.5	25.75
483	Đình Xuân Lâm	Anh	TDV022809	1	24.75	1.0	25.75
484	Phạm Như Thu	Hường	YTB011074	1	25.25	0.5	25.75
485	Lê Thị	Dung	HDT003842	1	24.75	1.0	25.75
486	Trần Anh	Tuấn	TND028015	1	24.25	1.5	25.75
487	Lưu Thị Thúy	Huyền	TQU002443	1	22.25	3.5	25.75
488	Tạ Thị	Quỳnh	SPH014577	1	22.25	3.5	25.75
489	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	1	24.75	1.0	25.75
490	Nông Thị	Yến	TND030117	2	22.00	3.5	25.50
491	Quan Ngọc	Linh	TND014718	2	22.00	3.5	25.50
492	Phạm Hồng	Thắm	THP013587	2	25.00	0.5	25.50
493	Lưu Thanh	Hiền	HVN003386	2	25.00	0.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Lê Thị Khánh	Linh	TLA007808	2	25.00	0.5	25.50
495	Đồng Văn	Minh	THP009506	2	23.50	2.0	25.50
496	Lý Thúy	Mai	TND015966	2	22.00	3.5	25.50
497	Trần Thị Thu	Hà	THV003630	2	25.00	0.5	25.50
498	Lê Hoàng	Anh	TDV000565	2	24.50	1.0	25.50
499	Nguyễn Thị	Thu	TND024397	2	22.00	3.5	25.50
500	Vũ Thị Kim	Oanh	THP011225	2	25.00	0.5	25.50
501	Phan Hồng	Nhung	TDV022497	2	24.00	1.5	25.50
502	Trần Thị	Thương	TDV031227	2	24.00	1.5	25.50
503	Nguyễn Thị	Hạnh	HVN003027	2	25.00	0.5	25.50
504	Sinh Quốc	Toản	TQU005721	2	22.00	3.5	25.50
505	Tạ Vũ Thu	Uyên	TTN022480	2	24.00	1.5	25.50
506	Mào Thị	Duyên	TTB001294	2	22.00	3.5	25.50
507	Lý Thị	Nường	TND019243	2	22.00	3.5	25.50
508	Đàm Thị Minh	Nguyệt	TND018334	2	22.00	3.5	25.50
509	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	2	22.00	3.5	25.50
510	Trần Ngọc	Anh	TND001076	2	24.00	1.5	25.50
511	Hà Thị Thùy	Viên	THV015191	1	22.00	3.5	25.50
512	Nhữ Thị Bích	Ngọc	HDT018096	1	24.00	1.5	25.50
513	Hứa Thị	Kiều	TND013056	1	22.00	3.5	25.50
514	Nguyễn Ngọc	Linh	LNH005340	1	24.00	1.5	25.50
515	Đoàn Thị Duyên	Yến	HDT030320	1	24.00	1.5	25.50
516	Nguyễn Thùy	Trang	THV013923	1	24.50	1.0	25.50
517	Dương Thu	Thảo	TTB005843	1	24.00	1.5	25.50
518	Trần Thị Thu	Hiền	HDT008644	1	24.00	1.5	25.50
519	Nông Thị	Phượng	TND020262	1	22.00	3.5	25.50
520	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005323	1	24.00	1.5	25.50
521	Hoàng Thị	Yến	YTB025705	1	24.50	1.0	25.50
522	Bùi Thị	Thảo	DCN010163	1	22.00	3.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Nguyễn Thị Thu	Hường	THP007284	1	25.00	0.5	25.50
524	Phạm Thị	Hương	TDV014479	1	25.00	0.5	25.50
525	Cao Xuân	Hiền	THV004247	1	22.00	3.5	25.50
526	Đặng Thúy	Nga	TDV020350	1	25.00	0.5	25.50
527	Đặng Thị Tuyết	Mai	SPH010953	1	24.50	1.0	25.50
528	Lê Thị	Khuyên	HDT012824	1	24.50	1.0	25.50
529	Lê Thị Lan	Anh	HDT000630	1	24.50	1.0	25.50
530	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013527	1	24.50	1.0	25.50
531	Trần Thị	Huyền	TND011376	1	22.00	3.5	25.50
532	Lê Thị	Như	TDV022628	1	24.00	1.5	25.50
533	Trần Thị Thanh	Ngân	HDT017697	1	24.50	1.0	25.50
534	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010125	1	24.50	1.0	25.50
535	Từ Thị	Lý	TDV018537	1	24.00	1.5	25.50
536	Đặng Thị	Hiếu	HVN003641	1	24.50	1.0	25.50
537	Lê Thị	ánh	TDV001723	1	24.00	1.5	25.50
538	Bùi Thúy	Phương	TND019710	1	22.00	3.5	25.50
539	Phương Thị	Hảo	TND007201	1	22.00	3.5	25.50
540	Nguyễn Anh	Tuấn	THV014555	1	24.00	1.5	25.50
541	Hoàng Hải	Ngân	YTB015364	1	24.00	1.5	25.50
542	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	SPH012589	1	25.00	0.5	25.50
543	Lê Như	Quỳnh	HDT021025	1	24.50	1.0	25.50
544	Lê Thị	Dung	HDT003861	1	24.50	1.0	25.50
545	Trần Thị Lan	Hương	THV006324	1	24.00	1.5	25.50
546	Vi Thị Thu	Trang	DCN012027	1	22.00	3.5	25.50
547	Nguyễn Thị Thu	Hoài	LNH003577	1	22.00	3.5	25.50
548	Trần Thị	Liên	TQU003045	1	24.00	1.5	25.50
549	Nguyễn Minh	Huế	SPH007105	1	24.50	1.0	25.50
550	Trịnh Vũ Ngân	Hà	TDV008083	1	25.00	0.5	25.50
551	Quách Thị Hương	Quỳnh	LNH007774	1	22.00	3.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Trịnh Thùy	Dung	THV002131	1	24.00	1.5	25.50
553	Lê Thị	Loan	HDT015081	1	24.00	1.5	25.50
554	Vũ Thị	Trà	TND025993	1	24.00	1.5	25.50
555	Nguyễn Thị Kiều	Trang	THP015172	1	25.00	0.5	25.50
556	Phạm Quốc	Thịnh	LNH008892	1	23.00	2.5	25.50
557	Tần Thị	Thảo	THV012338	1	22.00	3.5	25.50
558	Lê Hồng	Khanh	LNH004740	1	25.00	0.5	25.50
559	Lê Thị	Kiều	DHU010029	1	25.00	0.5	25.50
560	Chế Thị	Nhung	TDV022280	1	25.00	0.5	25.50
561	Trần Thị Bích	Thùy	TND024739	1	22.00	3.5	25.50
562	Nguyễn Quốc	Tuấn	SPH018613	1	25.00	0.5	25.50
563	Lã Thị Diệu	Linh	LNH005291	1	24.00	1.5	25.50
564	Hoàng Văn	Ngọc	TQU003907	1	22.00	3.5	25.50
565	Lê Thị	Trang	HDT026600	1	22.00	3.5	25.50
566	Trần Văn	Mạnh	KQH008961	1	25.00	0.5	25.50
567	Trương Mỹ	Hoa	DCN004139	1	25.00	0.5	25.50
568	Lê Thị	Xoan	TDV036623	1	24.00	1.5	25.50
569	Trương Thị Thu	Huyền	TQU002517	1	23.00	2.5	25.50
570	Vũ Thị Hồng	Ngát	BKA009239	1	24.50	1.0	25.50
571	Đào Khánh	Dương	TTB001330	1	24.00	1.5	25.50
572	Nguyễn Thảo	Mai	THV008445	1	22.00	3.5	25.50
573	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	HDT018427	1	24.00	1.5	25.50
574	Lò Văn	Thêm	TTB006079	1	22.00	3.5	25.50
575	Lê Thị	Hoàn	HDT009693	1	24.00	1.5	25.50
576	Nguyễn Phương	Thảo	THV012229	1	25.00	0.5	25.50
577	Trịnh Thùy	Linh	DCN006627	1	24.50	1.0	25.50
578	Lương Ngọc	Anh	THV000308	1	24.00	1.5	25.50
579	Đặng Thị Quỳnh	Anh	LNH000171	1	24.00	1.5	25.50
580	Phạm Thị Thu	Thảo	TND023291	2	21.75	3.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Nguyễn Thị Thu	Hoài	SPH006705	2	23.75	1.5	25.25
582	Phạm Thị Mỹ	Linh	DCN006549	2	21.75	3.5	25.25
583	Lương Trần Linh	Chi	TND002248	2	21.75	3.5	25.25
584	Hoàng Thị Châu	Loan	YTB013257	2	24.25	1.0	25.25
585	Phùng Thị Thuỳ	Linh	THV007724	2	23.75	1.5	25.25
586	Phan Thị	Thơm	TDV029728	2	23.75	1.5	25.25
587	Bùi Thị Quỳnh	Hương	DCN005243	2	21.75	3.5	25.25
588	Đoạn Thị Kiều	Diễm	DHU002615	2	23.75	1.5	25.25
589	Đỗ Thị	Linh	TND014063	2	23.75	1.5	25.25
590	Đinh Thị Vân	Trang	TND026098	2	24.75	0.5	25.25
591	Nguyễn Phương	Thảo	THP013353	2	24.75	0.5	25.25
592	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	2	21.75	3.5	25.25
593	Nguyễn Thị	Quyên	HDT020811	2	24.25	1.0	25.25
594	Đinh Thị	Vân	HHA016046	2	23.75	1.5	25.25
595	Nguyễn Thị Hải	Yến	TND030052	2	23.75	1.5	25.25
596	Nguyễn Thị Thanh	Nga	THV009159	2	21.75	3.5	25.25
597	Vũ Văn	Linh	KQH008144	2	24.75	0.5	25.25
598	Luân Thị	Thùy	TND024692	2	21.75	3.5	25.25
599	Nguyễn Phương	Thảo	HDT023264	2	24.75	0.5	25.25
600	Nguyễn Thị Thanh	Lộc	KHA006173	2	24.75	0.5	25.25
601	Trần Thị	Thơ	TDV029629	2	24.25	1.0	25.25
602	Hoàng Thị	Kiều	TQU002883	2	21.75	3.5	25.25
603	Ngô Xuân	Trường	HVN011476	1	24.25	1.0	25.25
604	Hoàng Thị	Liên	TND013846	1	21.75	3.5	25.25
605	Ngô Thị	Đào	HDT005142	1	24.25	1.0	25.25
606	Phạm Thị Thu	Huyền	THV005915	1	23.75	1.5	25.25
607	Lê Thị Hoài	Thương	TDV030972	1	24.25	1.0	25.25
608	Hoàng Văn	Mạc	TND015841	1	21.75	3.5	25.25
609	Hoàng Hải	Hiệp	TND008147	1	21.75	3.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	1	24.75	0.5	25.25
611	Vũ Huy	Hoài	TND009220	1	23.75	1.5	25.25
612	Hà Kiều	Anh	THV000166	1	21.75	3.5	25.25
613	Nguyễn Như	Quỳnh	HDT021148	1	23.75	1.5	25.25
614	Nguyễn Thị	Thảo	THP013390	1	24.25	1.0	25.25
615	Đỗ Hoàng	Long	TND015069	1	23.75	1.5	25.25
616	Đặng Thị Thùy	Linh	BKA007396	1	24.25	1.0	25.25
617	Nguyễn Thị	Liên	HDT013667	1	24.25	1.0	25.25
618	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	LNH006798	1	24.75	0.5	25.25
619	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	THV013348	1	21.75	3.5	25.25
620	Thiếu Thị	Trinh	HDT027451	1	24.75	0.5	25.25
621	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007419	1	21.75	3.5	25.25
622	Phan Thị Khuyên	Giang	TDV007432	1	23.25	2.0	25.25
623	Dương Thái	Ni	TDV022712	1	24.75	0.5	25.25
624	Nông Minh	Trang	TND026618	1	21.75	3.5	25.25
625	Lê Thị Mỹ	Hạnh	HDT007525	1	23.75	1.5	25.25
626	Nguyễn Thị Kiều	Trang	KQH014568	1	24.75	0.5	25.25
627	Ma Thị Thùy	Trang	TQU005826	1	21.75	3.5	25.25
628	Nguyễn Đình	Tiến	DCN011427	1	24.25	1.0	25.25
629	Kiều Thị Huyền	Trang	KQH014436	1	24.75	0.5	25.25
630	Hà Văn	Long	HDT015212	1	21.75	3.5	25.25
631	Nguyễn Thị Tú	Quyên	HDT020820	1	24.25	1.0	25.25
632	Hoàng Thị Phụng	Uyên	DCN012920	1	21.75	3.5	25.25
633	Trần Thùy	Giang	HDT006459	1	24.25	1.0	25.25
634	Phạm Thị Thân	Thương	SPH016909	1	24.75	0.5	25.25
635	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	1	24.25	1.0	25.25
636	Nguyễn Văn	Tuấn	TDV034886	1	21.75	3.5	25.25
637	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	TDV025559	1	24.75	0.5	25.25
638	Nguyễn Thị	Thêm	SPH016048	1	24.75	0.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Nguyễn Khánh	Huyền	THV005809	1	23.75	1.5	25.25
640	Ma Hoài	Thương	TND025339	1	21.75	3.5	25.25
641	Trần Thị	Nhung	TDV022558	1	23.75	1.5	25.25
642	Nông Thị Hương	Thảo	TQU005121	1	21.75	3.5	25.25
643	Trần Hồng	Nhung	YTB016506	1	24.25	1.0	25.25
644	Lê Thị Kiều	Nhi	TDV022144	1	21.75	3.5	25.25
645	Phạm Thị Thu	Hằng	YTB007113	1	24.75	0.5	25.25
646	Lò Văn	Thượng	THV013337	1	21.75	3.5	25.25
647	Cấn Thị	Huyền	DCN004875	1	24.75	0.5	25.25
648	Lô Thị	Hoa	TND008738	1	21.75	3.5	25.25
649	Nguyễn Thảo	Phương	THV010522	1	23.75	1.5	25.25
650	Dương Thị	Thương	TLA013548	1	24.25	1.0	25.25
651	Đỗ Thị Khánh	Linh	KQH007726	1	24.75	0.5	25.25
652	Trần Thị Hồng	Thắm	TDV028646	1	22.75	2.5	25.25
653	Trần Thị Thảo	Vy	HHA016431	1	23.75	1.5	25.25
654	Nguyễn Thị Thanh	Thương	HHA014060	1	24.25	1.0	25.25
655	Đinh Thị	Hảo	TND007146	1	21.75	3.5	25.25
656	Nguyễn Thị Phương	Thảo	HDT023274	1	23.75	1.5	25.25
657	Mai Đình	Thành	HDT022834	1	24.25	1.0	25.25
658	Lê Thị	Thùy	SPH016490	1	24.75	0.5	25.25
659	Ma Thị	Huế	TND010086	1	21.75	3.5	25.25
660	Nguyễn Thị Hải	Nhi	TDV022167	1	24.25	1.0	25.25
661	Nguyễn Khánh	Huyền	TND011177	1	21.75	3.5	25.25
662	Hoàng Thị Tâm	Anh	TDV000510	1	24.75	0.5	25.25
663	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000602	1	24.25	1.0	25.25
664	Nguyễn Thị	Dương	DCN002123	1	21.75	3.5	25.25
665	Võ Thị	Hà	TDV008106	1	23.75	1.5	25.25
666	Vũ Thị	Anh	THP000937	1	24.75	0.5	25.25
667	Cao Thị	Xuyến	TND029846	1	21.75	3.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Nguyễn Minh	Thúy	THV013150	1	23.75	1.5	25.25
669	Nguyễn Thị Nhật	Huệ	TND010280	2	21.50	3.5	25.00
670	Lương Thị Hải	Yến	TND030008	2	21.50	3.5	25.00
671	Trịnh Thu	Hà	THV003643	2	23.50	1.5	25.00
672	Hoàng Thạch	Thảo	TND022963	2	21.50	3.5	25.00
673	Nguyễn Khánh	Ly	DCN007020	2	24.50	0.5	25.00
674	Nguyễn Thanh	Tùng	THP016190	2	24.50	0.5	25.00
675	Sùng A	Gia	TTB001626	2	21.50	3.5	25.00
676	Vi Thị Hồng	Thái	TND022373	2	21.50	3.5	25.00
677	Võ Thị Hồng	Trang	HHA014848	2	24.50	0.5	25.00
678	Ly Thị	Mỹ	TTB004096	2	21.50	3.5	25.00
679	Lý San	Mấy	DCN007320	2	21.50	3.5	25.00
680	Lê Hồng	Ngọc	DCN008058	2	24.50	0.5	25.00
681	Nguyễn Khánh	Hòa	LNH003521	2	21.50	3.5	25.00
682	Đỗ Mạnh	Khánh	DCN005638	2	24.50	0.5	25.00
683	Lê Nguyễn Hương	Ly	HDT015751	2	23.50	1.5	25.00
684	Mộc Văn	Chinh	THV001405	2	21.50	3.5	25.00
685	Trần Thị Cẩm	Tú	TND027605	2	21.50	3.5	25.00
686	Hoàng Thị	Huệ	TND010181	2	21.50	3.5	25.00
687	Nông Thị	Hợp	TND009923	2	21.50	3.5	25.00
688	Giàng Thị	Cúc	TTB000864	2	21.50	3.5	25.00
689	Phan Thị	Trinh	TTB006890	2	23.50	1.5	25.00
690	Hoàng Tiến	Duân	TND003623	2	21.50	3.5	25.00
691	Nguyễn Nga	Quỳnh	THV011106	2	21.50	3.5	25.00
692	Phùng Thị	Mai	TND016070	2	21.50	3.5	25.00
693	Chu Thị Kim	Chi	TND002199	2	23.50	1.5	25.00
694	Mai Thị	Thảo	HDT023246	1	24.00	1.0	25.00
695	Lê Thị Thu	Hằng	HDT007887	1	24.50	0.5	25.00
696	Lê Thị	Dung	HDT003867	1	24.00	1.0	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Nguyễn Lê	Hạ	TDV008132	1	23.50	1.5	25.00
698	Hoàng Thị	Vân	TND029059	1	21.50	3.5	25.00
699	Bùi Thị	Phượng	DCN009006	1	24.00	1.0	25.00
700	Ngô Thị	Duyên	TDV005300	1	23.50	1.5	25.00
701	Vũ Thị Tuyết	Băng	TND001635	1	23.50	1.5	25.00
702	Nông Thu	Hà	TND006410	1	21.50	3.5	25.00
703	Nông Quỳnh	Hương	TND011964	1	21.50	3.5	25.00
704	Hoàng Thị	Thương	TND025317	1	21.50	3.5	25.00
705	Hà Thị	My	LNH006229	1	21.50	3.5	25.00
706	Nguyễn Thị Thu	Hiền	SPH005941	1	24.50	0.5	25.00
707	Nguyễn Thị Thanh	Thư	TLA013520	1	24.50	0.5	25.00
708	Nguyễn Thu	Thảo	THP013451	1	25.00		25.00
709	Hoàng Thị	Huyền	THV005749	1	23.50	1.5	25.00
710	Đặng Đình	Tuấn	TDV034566	1	23.50	1.5	25.00
711	Trần Thị Thu	Uyên	TDV035624	1	23.50	1.5	25.00
712	Hồ Thị Minh	Nguyệt	TTB004473	1	23.50	1.5	25.00
713	Vũ Thị Lan	Anh	DCN000749	1	24.00	1.0	25.00
714	Vương Thị	Quế	TDV024851	1	24.00	1.0	25.00
715	Trần Thị	Kiều	HDT013015	1	23.50	1.5	25.00
716	Vũ Thị Thu	Hoài	TND009223	1	23.50	1.5	25.00
717	Nguyễn Thị	Hạc	TND006551	1	21.50	3.5	25.00
718	Nguyễn Thị	Hiền	KHA003756	1	24.00	1.0	25.00
719	Đào Thị	Hà	TDV007591	1	23.50	1.5	25.00
720	Trần Thị Thanh	Mai	TDV018799	1	24.00	1.0	25.00
721	Đỗ Thị	Mận	SPH011222	1	24.00	1.0	25.00
722	Nguyễn Phương	Anh	THV000400	1	24.50	0.5	25.00
723	Phạm Thị	Linh	HDT014743	1	24.00	1.0	25.00
724	Trịnh Thị	Bình	HDT002268	1	23.50	1.5	25.00
725	Vũ Thị Kim	Khánh	YTB011385	1	24.50	0.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Lê Thị	Huyền	HDT011361	1	21.50	3.5	25.00
727	Lường Thị	Nguyệt	TTB004479	1	21.50	3.5	25.00
728	Nguyễn Thị	Hường	HDT012492	1	24.50	0.5	25.00
729	Lê Tố	Anh	HDT000593	1	24.50	0.5	25.00
730	Lê Thị Ngọc	Mai	TND015949	1	23.50	1.5	25.00
731	Nguyễn Thị	Hương	TDV014388	1	24.50	0.5	25.00
732	Vũ Thị	Liên	YTB012306	1	24.00	1.0	25.00
733	Nguyễn Thị Việt	Phương	THP011646	1	24.50	0.5	25.00
734	Lê Thị	Dung	HDT003850	1	24.00	1.0	25.00
735	Bùi Hồng	Nhâm	LNH006858	1	21.50	3.5	25.00
736	Giàng Thị	Vĩ	TQU006452	1	21.50	3.5	25.00
737	Đào Danh	Đông	TDV006398	1	23.50	1.5	25.00
738	Lộc Thị	Lệ	TND013691	1	21.50	3.5	25.00
739	Bùi Văn	Cường	LNH001255	1	21.50	3.5	25.00
740	Trương Thị Huyền	Thương	TDV031245	1	24.00	1.0	25.00
741	Vũ Thị Tú	Uyên	YTB024837	1	23.00	2.0	25.00
742	Phạm Thị Thùy	Dương	TDV005655	1	23.50	1.5	25.00
743	Lê Thị Thu	Mơ	TDV019479	1	24.50	0.5	25.00
744	Lương Thị	Lành	TDV015720	1	24.00	1.0	25.00
745	Đinh Phương	Thảo	TQU005039	1	23.50	1.5	25.00
746	Trần Hồng	Hạnh	TTB001945	1	23.50	1.5	25.00
747	Phạm Việt	Hoa	TTB002337	1	23.50	1.5	25.00
748	Trịnh Thị	Bé	HDT002067	1	23.50	1.5	25.00
749	Lê Thị Hương	Quỳnh	TDV025388	1	23.50	1.5	25.00
750	Nguyễn Lan	Anh	TQU000129	1	23.50	1.5	25.00
751	Hoàng Thị Huyền	Trang	HDT026366	1	24.00	1.0	25.00
752	Nguyễn Thị	Hoàn	TDV011571	1	23.50	1.5	25.00
753	Lê Thị Ngọc	Trâm	TND026825	1	21.50	3.5	25.00
754	Thào A	Mệnh	DCN007325	1	22.50	2.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Vũ Thị	Dương	THP002855	1	24.50	0.5	25.00
756	Bùi Thị	Thương	THV013261	1	23.50	1.5	25.00
757	Nguyễn Thị	Hiền	SPH005915	2	23.75	1.0	24.75
758	Hà Văn	Thắm	HDT023531	2	21.25	3.5	24.75
759	Hoàng Thị	Dung	TND003690	2	21.25	3.5	24.75
760	Mai Thị Thu	Huyền	KQH006165	2	23.75	1.0	24.75
761	Trần Thị	Hoàn	YTB008625	2	23.75	1.0	24.75
762	Nguyễn Thị Thu	Thủy	SPH016598	2	23.75	1.0	24.75
763	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018329	2	23.75	1.0	24.75
764	Mã Thị Mỹ	Hạnh	DCN003183	2	21.25	3.5	24.75
765	Đinh Thị	Khuyên	YTB011484	2	23.75	1.0	24.75
766	Vi Thị	Tám	TND022184	2	21.25	3.5	24.75
767	Phùng Thị	Phượng	TND020269	2	21.25	3.5	24.75
768	Đào Quang	Anh	TLA000247	2	24.75		24.75
769	Đàm Thị Thu	Hoài	HDT009553	2	24.25	0.5	24.75
770	Phan Thị Hà	My	DHU013378	2	23.75	1.0	24.75
771	Phan Lê Minh	Phượng	TDV024090	2	24.25	0.5	24.75
772	Nguyễn Thùy	Dương	THV002547	2	23.25	1.5	24.75
773	Đinh Thị	Dự	TQU001020	2	21.25	3.5	24.75
774	Bùi Thị Hồng	Tuyết	LNH010529	2	21.25	3.5	24.75
775	Từ Thị	Tuyến	TND028584	2	23.25	1.5	24.75
776	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	2	23.25	1.5	24.75
777	Đinh Ngọc	Quỳnh	THV011041	2	23.25	1.5	24.75
778	Ngô Thị	Ngọc	THP010352	2	23.75	1.0	24.75
779	Lò Thạc	Khuê	THV006689	1	21.25	3.5	24.75
780	Võ Tiến	Đạt	TDV006201	1	23.75	1.0	24.75
781	Lê Ngọc	Linh	TND014253	1	21.25	3.5	24.75
782	Phan Thị	Ngọc	TDV021352	1	23.75	1.0	24.75
783	Bàn Thị	Thủy	THV012988	1	21.25	3.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Liềng Thị	Mai	THV008399	1	21.25	3.5	24.75
785	Phạm Thị	Hằng	TDV009352	1	23.75	1.0	24.75
786	Quách Xương	Trang	HDT027109	1	21.25	3.5	24.75
787	Lò Thị	Trang	TTB006763	1	21.25	3.5	24.75
788	Hoàng Thu	Giang	KQH003341	1	24.25	0.5	24.75
789	Nguyễn Thị	Loan	TQU003320	1	23.25	1.5	24.75
790	Vũ Thị Thanh	Xuân	YTB025584	1	23.75	1.0	24.75
791	Đinh Minh	Đức	KQH003135	1	24.25	0.5	24.75
792	Hoàng Thanh	Thương	TND025321	1	21.25	3.5	24.75
793	Nguyễn Tuấn	Cương	THP001861	1	23.75	1.0	24.75
794	Đào Thị	Trang	HHA014453	1	23.25	1.5	24.75
795	Quan Thị	Vân	TQU006433	1	21.25	3.5	24.75
796	Nguyễn Thị Hoài	Thu	LNH009019	1	21.25	3.5	24.75
797	Phạm Thị	Giang	HDT006422	1	23.25	1.5	24.75
798	Doãn Thị	Tĩnh	TDV031596	1	23.25	1.5	24.75
799	Cao Thị	Trang	SPH017281	1	23.75	1.0	24.75
800	Trần Thị Kim	Dung	SPH003118	1	21.25	3.5	24.75
801	Hoàng Thị Lan	Anh	SPH000413	1	23.75	1.0	24.75
802	Khuất Kiều	Anh	DCN000203	1	24.25	0.5	24.75
803	Đàm Thị	Luyện	TND015430	1	21.25	3.5	24.75
804	Bế Thị	Định	TND005206	1	21.25	3.5	24.75
805	Nguyễn Thị	Thúy	TQU005508	1	23.25	1.5	24.75
806	Lý Thị	Hiền	KQH004530	1	21.25	3.5	24.75
807	Bùi Thị	Dung	HDT003743	1	23.75	1.0	24.75
808	Phạm Như	Quỳnh	THV011168	1	23.25	1.5	24.75
809	Phan Thùy	Linh	HDT014687	1	23.25	1.5	24.75
810	Hoàng Ngọc	Luyến	TND015391	1	21.25	3.5	24.75
811	Phạm Hữu	Tuyền	THP016305	1	23.75	1.0	24.75
812	Đặng Thị	Luyến	TQU003405	1	23.25	1.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Hoàng Thị	Lam	TDV015475	1	23.25	1.5	24.75
814	Phan Thanh	Xuân	DCN013341	1	23.75	1.0	24.75
815	Hồ Sỹ Sơn	Anh	TDV000438	1	23.25	1.5	24.75
816	Nguyễn Tuyết	Mai	TDV018744	1	23.75	1.0	24.75
817	Ngô Thị	Ngọc	THP010353	1	24.25	0.5	24.75
818	Lương Văn	Cảnh	TND002000	1	21.25	3.5	24.75
819	Trần Quỳnh Anh	Thư	THV013233	1	21.25	3.5	24.75
820	Hoàng Thị Mai	Yên	TQU006592	1	21.25	3.5	24.75
821	Nguyễn Thị	Tuyết	SPH019067	1	23.25	1.5	24.75
822	Bùi Thị Thanh	Thủy	HDT024852	1	24.25	0.5	24.75
823	Tạ Thị	Vương	THV015409	1	22.25	2.5	24.75
824	Nguyễn Thị	Liên	TQU003036	1	23.25	1.5	24.75
825	Lý Thị	Quỳnh	THV011097	1	21.25	3.5	24.75
826	Ma Thị	Thu	TQU005363	1	21.25	3.5	24.75
827	Vương Thị	Nụ	KQH010483	1	24.25	0.5	24.75
828	Nguyễn Phương	Mai	TDV018665	1	24.25	0.5	24.75
829	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	1	23.25	1.5	24.75
830	Hoàng Thị	Tư	DCN012871	1	21.25	3.5	24.75
831	Nguyễn Tuấn	Bình	HDT002238	2	21.00	3.5	24.50
832	Vũ Thị Minh	Quyên	YTB018104	2	23.50	1.0	24.50
833	Giàng Văn	Tư	TQU006328	2	21.00	3.5	24.50
834	Quàng Văn	Tùng	TTB007245	2	21.00	3.5	24.50
835	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	2	23.00	1.5	24.50
836	Dương Phước	Sang	SPH014607	2	24.00	0.5	24.50
837	Đào Huyền	My	TND016779	2	24.00	0.5	24.50
838	Đặng Diệp	Hương	THP006956	2	24.00	0.5	24.50
839	Đỗ Thị	Lương	YTB013712	2	23.50	1.0	24.50
840	Lộc Thị Lan	Anh	TND000445	2	21.00	3.5	24.50
841	Nguyễn Thị	Thùy	TND024717	2	21.00	3.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	2	21.00	3.5	24.50
843	Nguyễn Thị	Hằng	SPH005644	2	23.50	1.0	24.50
844	Vi Thị	Hảo	TDV008884	2	21.00	3.5	24.50
845	Điêu Thị	Vân	TTB007425	2	21.00	3.5	24.50
846	Lê Thị ánh	Trinh	HDT027415	2	23.00	1.5	24.50
847	Đỗ Thị	Hạnh	KQH003920	2	24.00	0.5	24.50
848	Chầu Thị	Ly	TQU003450	2	21.00	3.5	24.50
849	Nguyễn Thị Thanh	Lam	THV006858	2	23.00	1.5	24.50
850	Nguyễn Thanh	Hoa	THV004768	2	23.00	1.5	24.50
851	Triệu Ngọc	Chiển	TQU000481	2	21.00	3.5	24.50
852	Lò Thị	Hằng	TTB002023	2	21.00	3.5	24.50
853	Hoàng Kim	Phú	TND019597	2	21.00	3.5	24.50
854	Nguyễn Thị	Oanh	KQH010551	2	24.00	0.5	24.50
855	Nguyễn Thị Bích	Thuận	THP014171	2	24.00	0.5	24.50
856	Hoàng Thị	Lương	TND015509	1	21.00	3.5	24.50
857	Trương Thị	Hoa	HDT009348	1	23.50	1.0	24.50
858	Nguyễn Thị Huyền	Trang	THV013818	1	23.50	1.0	24.50
859	Cao Thị Thanh	Hòa	TND008902	1	21.00	3.5	24.50
860	Phạm Thị Thuỳ	Linh	TDV017190	1	23.50	1.0	24.50
861	Lò Thị	Lan	TTB003310	1	21.00	3.5	24.50
862	Nguyễn Thị	Hường	LNH004641	1	23.00	1.5	24.50
863	Trần Thị Huyền	Trang	TND026732	1	21.00	3.5	24.50
864	Chu Thị	Chiều	TND002443	1	21.00	3.5	24.50
865	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	THV014097	1	23.00	1.5	24.50
866	Lương Thị	Thắm	TTB005973	1	21.00	3.5	24.50
867	Linh Thị	Hằng	KQH004241	1	21.00	3.5	24.50
868	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	LNH006980	1	23.00	1.5	24.50
869	Hoàng Kim	Anh	HDT000411	1	23.50	1.0	24.50
870	Vũ Thị Thúy	Hằng	SPH005765	1	23.00	1.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Hoàng Thùy	Trang	THV013728	1	21.00	3.5	24.50
872	Lê Thị Huyền	Trang	THV013747	1	21.00	3.5	24.50
873	Vũ Thị Hồng	Nhung	HDT019034	1	23.00	1.5	24.50
874	Trần Thị Mỹ	Hoa	SPH006592	1	23.50	1.0	24.50
875	Nguyễn Thị	Tuần	TQU006088	1	21.00	3.5	24.50
876	Hoàng Thị Thu	Uyên	HDT029318	1	23.00	1.5	24.50
877	Đào Thị	Thu	THP014025	1	23.50	1.0	24.50
878	Trần Thị Lan	Anh	TQU000231	1	23.00	1.5	24.50
879	Hà Thị	Phương	TTB004860	1	21.00	3.5	24.50
880	Dương A	Giàng	TND006057	1	21.00	3.5	24.50
881	Nguyễn Minh	Thành	TDV027706	1	24.00	0.5	24.50
882	Phạm Nhật	Tú	TDV034407	1	23.50	1.0	24.50
883	Trịnh Bích	Phương	TND020116	1	23.00	1.5	24.50
884	Lê Thị Thúy	Vân	KHA011485	1	23.50	1.0	24.50
885	Nguyễn Anh	Cường	TLA002252	1	24.50		24.50
886	Phạm Thị Thu	Hiền	HHA004655	1	23.00	1.5	24.50
887	Nguyễn Thị	Huyền	THP006557	1	23.50	1.0	24.50
888	Lê Thị	Hường	HDT012462	1	23.50	1.0	24.50
889	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	1	23.00	1.5	24.50
890	Nguyễn Thị	Thủy	TQU005470	1	23.00	1.5	24.50
891	Lương Kim	Hoàn	TND009285	1	21.00	3.5	24.50
892	Đinh Thị	Thành	LNH008311	1	21.00	3.5	24.50
893	Nguyễn Thị	Tĩnh	HDT025944	1	23.00	1.5	24.50
894	Ngô Thị Lan	Phương	DHU017849	1	24.00	0.5	24.50
895	Lê Thị	Kiều	TDV015377	1	23.50	1.0	24.50
896	Nguyễn Đình	Trung	TDV033815	1	23.00	1.5	24.50
897	Triệu Thị	Diệu	TND003543	1	21.00	3.5	24.50
898	Nguyễn Thị	Thanh	HDT022629	1	22.50	2.0	24.50
899	Nguyễn Thị	Chinh	THP001631	1	23.00	1.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Đào Thị	Thuý	TND024976	1	23.00	1.5	24.50
901	Lương Thị	Thảo	LNH008490	1	21.00	3.5	24.50
902	Nguyễn Thị	Lý	HDT015874	1	23.50	1.0	24.50
903	Nguyễn Thị	Quỳnh	THV011145	1	23.00	1.5	24.50
904	Trần Thái	Bảo	SPH001971	1	24.50		24.50
905	Lành Văn	Thành	KQH012408	1	21.00	3.5	24.50
906	Nguyễn Thị	Kim	HDT013022	1	23.50	1.0	24.50
907	Đinh Thị	Thương	TDV030929	1	23.00	1.5	24.50
908	Nguyễn Mạnh	Cường	TND003195	1	24.00	0.5	24.50
909	Nguyễn Thị Hương	Lan	TND013312	1	24.00	0.5	24.50
910	Phạm Thị Thu	Hương	THV006295	1	23.00	1.5	24.50
911	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	TDV021203	1	23.00	1.5	24.50
912	Nguyễn Thị	Sửu	SPH014988	1	23.00	1.5	24.50
913	Hà Thị	Phượng	HDT020179	1	21.00	3.5	24.50
914	Cù Thu	Thủy	TQU005449	1	23.00	1.5	24.50
915	Lương Thị	Linh	HDT014285	1	23.00	1.5	24.50
916	Đặng Huỳnh	Nguyễn	DHU014867	1	24.00	0.5	24.50
917	Nguyễn Thị Mai	Trang	TLA014103	1	24.00	0.5	24.50
918	Long Quốc	Huấn	TND009988	2	20.75	3.5	24.25
919	Hoàng Thị Huyền	Chang	TND002064	2	20.75	3.5	24.25
920	Nguyễn Anh	Đức	TDV006715	2	22.75	1.5	24.25
921	Châu Thị	Thủy	TQU005415	2	20.75	3.5	24.25
922	Dương Thị	Hạnh	TND006866	2	23.25	1.0	24.25
923	Hoàng Thị	Hoà	TND008888	2	22.75	1.5	24.25
924	Đỗ Thị	Hoài	HDT009549	2	23.25	1.0	24.25
925	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	2	22.75	1.5	24.25
926	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCN003740	2	23.75	0.5	24.25
927	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	KQH000514	2	23.75	0.5	24.25
928	Bùi Thị Bích	Hạnh	LNH002741	2	20.75	3.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Phạm Thị	Lan	HDT013272	2	22.75	1.5	24.25
930	Long Thị	Vân	TND029083	2	20.75	3.5	24.25
931	Hoàng Thị Thuỳ	Dương	TND004501	2	22.75	1.5	24.25
932	Phạm Thị Phương	Thuỳ	TQU005440	2	22.75	1.5	24.25
933	Nguyễn Thị	Tấm	YTB019074	2	23.25	1.0	24.25
934	Vũ Thị Hương	Lan	THP007869	2	22.75	1.5	24.25
935	Hoàng Thị Bích	Phương	TDV023805	2	23.25	1.0	24.25
936	Lục Văn	Đình	TND005198	2	20.75	3.5	24.25
937	Tô Phương	Thảo	SPH015813	2	23.25	1.0	24.25
938	Đoàn Ngọc	Phúc	THV010289	2	22.75	1.5	24.25
939	Trần Thị	Phượng	TLA011197	2	23.25	1.0	24.25
940	Nông Thị	Vin	TND029364	2	20.75	3.5	24.25
941	Ngọc Châu An	Mi	HHA009104	2	22.25	2.0	24.25
942	Đào Duy	Hải	TLA004256	2	23.75	0.5	24.25
943	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BKA013696	2	24.25		24.25
944	Nguyễn Thị Thu	Trang	BKA013470	2	23.75	0.5	24.25
945	Ngũ Thị	Thảo	TQU005075	2	20.75	3.5	24.25
946	Chung Thị	Diệp	TND003448	2	20.75	3.5	24.25
947	Trần Thị Huyền	Trang	DCN011994	2	23.75	0.5	24.25
948	Nguyễn Thị	Ngát	HDT017591	2	23.25	1.0	24.25
949	Đình Thị	Thu	TQU005345	2	22.75	1.5	24.25
950	Nguyễn Thị	Giang	YTB005628	2	23.25	1.0	24.25
951	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013128	2	22.75	1.5	24.25
952	Nguyễn Thị Hồng	Quý	TND020695	2	22.75	1.5	24.25
953	Vũ Khắc	Toàn	DCN011568	2	23.25	1.0	24.25
954	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	TND018947	2	20.75	3.5	24.25
955	Lương Thị Lệ	Quyên	TND020778	1	20.75	3.5	24.25
956	Ngô Thị	Ngọc	HDT018007	1	23.25	1.0	24.25
957	Nguyễn Thu	Trang	THV013909	1	22.75	1.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
958	Đỗ Thị	Thảo	THV012108	1	20.75	3.5	24.25
959	Phạm Thị Hoài	Thương	TDV031163	1	22.75	1.5	24.25
960	Phạm Thị	Bình	HDT002247	1	20.75	3.5	24.25
961	Nguyễn Thị Hà	Ly	TDV018324	1	22.75	1.5	24.25
962	Phan Thị	Linh	TDV017114	1	22.75	1.5	24.25
963	Lý Thành	Công	THV001607	1	20.75	3.5	24.25
964	Đỗ Thị	Nguyệt	HHA010324	1	23.25	1.0	24.25
965	Bế Thị	Nga	TND017267	1	20.75	3.5	24.25
966	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	1	23.25	1.0	24.25
967	Trần Ngọc Hương	Trang	THV013997	1	22.75	1.5	24.25
968	Bùi Thị	Duyên	TDV005217	1	23.25	1.0	24.25
969	Lê Thị Thu	Giang	HDT006303	1	23.25	1.0	24.25
970	Phan Thị	Thảo	SPH015781	1	23.25	1.0	24.25
971	Nguyễn Thị	Thu	HDT024465	1	22.75	1.5	24.25
972	Trần Thùy	Linh	YTB013134	1	23.75	0.5	24.25
973	Phượng Thùy	Dung	TND003795	1	20.75	3.5	24.25
974	Trần Thị	Trang	TDV033075	1	22.75	1.5	24.25
975	Nguyễn Thị Thu	Hương	THV006268	1	22.75	1.5	24.25
976	Mông Thị Thùy	Linh	KQH007834	1	20.75	3.5	24.25
977	Cao Phương	Chi	THV001244	1	22.75	1.5	24.25
978	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	1	23.25	1.0	24.25
979	Lê Thị	Giang	HDT006293	1	23.25	1.0	24.25
980	Trần Thị Phương	Thảo	HDT023428	1	23.25	1.0	24.25
981	Nguyễn Thị Hồng	Trang	HHA014609	1	23.75	0.5	24.25
982	Nguyễn Thị	Doanh	TND003593	1	22.75	1.5	24.25
983	Nguyễn Trần Ngân	Diệp	LNH001390	1	20.75	3.5	24.25
984	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	1	22.25	2.0	24.25
985	Nguyễn Phương	Hảo	TQU001582	1	22.75	1.5	24.25
986	Bùi Thị	Trang	LNH009651	1	20.75	3.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
987	Phan Đức	Kiên	BKA006913	1	23.25	1.0	24.25
988	Lê Thị Kim	Chi	TDV002904	1	22.75	1.5	24.25
989	Bùi Thị	Nhung	HDT018636	1	23.25	1.0	24.25
990	Đỗ Thị	Uyên	KQH015940	1	23.75	0.5	24.25
991	Hà Ngọc Thủy	Tiên	LNH009416	1	20.75	3.5	24.25
992	Hà Thị Minh	Hạnh	THV003851	1	22.75	1.5	24.25
993	Hoàng Thị	Nghiệp	TQU003877	1	20.75	3.5	24.25
994	Nguyễn Thu	Hằng	TQU001639	1	22.75	1.5	24.25
995	Cao Thị	Giang	TDV007113	1	22.75	1.5	24.25
996	Hà Anh	Thư	TQU005535	1	20.75	3.5	24.25
997	Lê Thị	Lanh	DCN005963	1	23.25	1.0	24.25
998	Vũ Hồng	Phượng	THV010669	1	22.75	1.5	24.25
999	Lê Thị	Linh	SPH009611	1	23.75	0.5	24.25
1000	Lê Thị Mỹ	Linh	THV007450	1	23.25	1.0	24.25
1001	Lê Hoàng	Anh	SPH000486	1	23.75	0.5	24.25
1002	Uông Thị	Hà	TDV008097	1	22.75	1.5	24.25
1003	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	KHA005756	1	23.75	0.5	24.25
1004	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	1	20.75	3.5	24.25
1005	Trịnh Đức	Mạnh	HDT016368	1	23.25	1.0	24.25
1006	Nguyễn Thị	Hiền	TQU001721	2	20.50	3.5	24.00
1007	La Thị	Nga	TND017328	2	20.50	3.5	24.00
1008	Trần Văn	Thái	HDT022492	2	23.00	1.0	24.00
1009	Trịnh Thị	Thùy	HDT024845	2	23.00	1.0	24.00
1010	Hà Diệu	Hằng	TTB002003	2	20.50	3.5	24.00
1011	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DCN010684	2	23.50	0.5	24.00
1012	Nguyễn Thị	Thủy	TND024896	2	22.50	1.5	24.00
1013	Trần Thị Hồng	Nhung	NLS008795	2	22.50	1.5	24.00
1014	Nùng Thị Thanh	Huyền	THV005903	2	20.50	3.5	24.00
1015	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008758	2	22.50	1.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1016	Lê Thị Hồng	Gấm	TND005746	2	22.50	1.5	24.00
1017	Pồ Chùy	Pứ	TTB005001	2	20.50	3.5	24.00
1018	Phạm Thị	Thảo	THV012317	2	22.50	1.5	24.00
1019	Trần Thị Phương	Thảo	THV012357	2	22.50	1.5	24.00
1020	Phạm Hoàng Hải	Nam	THV009038	2	20.50	3.5	24.00
1021	Phạm Thị	Anh	YTB001125	2	23.00	1.0	24.00
1022	Đỗ Đức	Duy	DCN001922	2	23.50	0.5	24.00
1023	Trương Thị Hồng	Dự	THV002466	2	20.50	3.5	24.00
1024	Mã Thị Hương	Lan	TND013292	2	20.50	3.5	24.00
1025	Lò Thị	Tình	TTB006626	2	20.50	3.5	24.00
1026	Ngô Thị	Hà	HDT006762	2	22.50	1.5	24.00
1027	Đoàn Thị Ngọc	ánh	THV000766	2	22.50	1.5	24.00
1028	Dương Thị	Thu	TQU005343	2	20.50	3.5	24.00
1029	Lý Thị	Niệm	TND019129	2	20.50	3.5	24.00
1030	Lương Thị	Thủy	TQU005461	2	20.50	3.5	24.00
1031	Trần Hồng	Hạnh	HDT007612	2	23.50	0.5	24.00
1032	Hoàng Thị	Quỳnh	HDT021007	2	20.50	3.5	24.00
1033	Võ Thị Minh	Nguyệt	DHU014973	2	23.50	0.5	24.00
1034	Tần San	Mấy	THV008633	2	20.50	3.5	24.00
1035	Nguyễn Thị	Đạt	YTB004758	2	23.00	1.0	24.00
1036	Chu Thị	Thảo	SPH015531	2	23.50	0.5	24.00
1037	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009235	1	23.00	1.0	24.00
1038	Võ Thị Thu	Hiền	TDV010166	1	22.50	1.5	24.00
1039	Ngọc Thị	Tươi	TND028733	1	20.50	3.5	24.00
1040	Ngô Văn	Chính	THP001673	1	23.00	1.0	24.00
1041	Phạm Ngọc	Ngà	THP010082	1	23.50	0.5	24.00
1042	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013715	1	22.50	1.5	24.00
1043	Nguyễn Thị	Quỳnh	TND021174	1	22.50	1.5	24.00
1044	Trần Ngọc	Diệp	TND003500	1	22.50	1.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1045	Phạm Hồng	Phượng	HHA011382	1	22.50	1.5	24.00
1046	Phạm Thị	Liễu	TDV016179	1	23.00	1.0	24.00
1047	Ngô Quỳnh	Oanh	TTB004690	1	22.50	1.5	24.00
1048	Nguyễn Thị Phương	Loan	THV007890	1	22.50	1.5	24.00
1049	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	1	22.50	1.5	24.00
1050	Hoàng Kim	Cúc	TND002938	1	20.50	3.5	24.00
1051	Phạm Thị Kim	Anh	SPH001360	1	20.50	3.5	24.00
1052	Trần Thị Thủy	Tiên	TDV031339	1	23.00	1.0	24.00
1053	Nguyễn Thị	Bình	TND001889	1	20.50	3.5	24.00
1054	Chu Tú	Anh	TND000127	1	20.50	3.5	24.00
1055	Phạm Thị Khánh	Huyền	TQU002484	1	22.50	1.5	24.00
1056	Lữ Thị Hải	Yến	TLA015865	1	23.50	0.5	24.00
1057	Phạm Thị Thu	Yên	HHA016497	1	23.50	0.5	24.00
1058	Nguyễn Thị Thu	Hằng	THP004552	1	23.00	1.0	24.00
1059	Bùi Thị Phương	Loan	LNH005532	1	20.50	3.5	24.00
1060	Hoàng Thị	Dung	HDT003801	1	23.00	1.0	24.00
1061	Phùng Thị	Oanh	TND019393	1	20.50	3.5	24.00
1062	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DCN010306	1	23.50	0.5	24.00
1063	Trần Thị	Hường	THV006436	1	22.50	1.5	24.00
1064	Võ Đình	Nhật	TDV022102	1	23.00	1.0	24.00
1065	Vũ Thị	Nữ	TND019228	1	22.50	1.5	24.00
1066	Phùng Mỹ	Linh	DCN006564	1	23.50	0.5	24.00
1067	Nguyễn Thị Thanh	Hương	HHA006851	1	22.50	1.5	24.00
1068	Lý Thị Minh	Vượng	TQU006545	1	20.50	3.5	24.00
1069	Nguyễn Thành	Đạt	TQU001120	1	20.50	3.5	24.00
1070	Ngô Đăng	Triệu	SPH017966	1	23.50	0.5	24.00
1071	Nguyễn Linh	Chi	TDV002927	1	23.50	0.5	24.00
1072	Ma Thị	Lan	TQU002923	1	20.50	3.5	24.00
1073	Nguyễn Thị	ánh	TDV001772	1	23.00	1.0	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1074	Đinh Thị	Phương	TDL011197	1	22.50	1.5	24.00
1075	Trần Thu	Huyền	TQU002515	1	20.50	3.5	24.00
1076	Ngô Thị Thanh	Thủy	KQH013653	1	23.50	0.5	24.00
1077	Bùi Thị	Lý	LNH005843	1	20.50	3.5	24.00
1078	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	1	20.50	3.5	24.00
1079	Vũ Thị	Tư	YTB024658	4	22.75	1.0	23.75
1080	Nguyễn Thị Kiều	My	THV008833	2	22.25	1.5	23.75
1081	Đỗ Thị	Nhung	HDT018662	2	20.25	3.5	23.75
1082	Trương Đình	Tiến	BKA013089	2	23.25	0.5	23.75
1083	Nguyễn Thanh	Nhàn	TQU004033	2	22.25	1.5	23.75
1084	Trần Thị Thu	Uyên	KHA011455	2	22.75	1.0	23.75
1085	Nguyễn Thị	Nguyệt	TDV021707	2	22.25	1.5	23.75
1086	Mai Thị	Thúy	HDT025188	2	22.75	1.0	23.75
1087	Vũ Văn	Tiến	HDT025887	2	22.75	1.0	23.75
1088	Đồng Thị	Hà	TQU001392	2	20.25	3.5	23.75
1089	Hoàng Văn	Kiểm	TTB003199	2	20.25	3.5	23.75
1090	Đặng Thị Hồng	Hiệp	THV004434	2	22.25	1.5	23.75
1091	Phạm Thu	Hà	LNH002575	2	22.25	1.5	23.75
1092	Nguyễn Thị	Linh	YTB012779	2	22.75	1.0	23.75
1093	Trần Thị Lan	Vy	HDT030120	2	22.25	1.5	23.75
1094	Triệu Thị	Huệ	TQU002252	2	20.25	3.5	23.75
1095	Nguyễn Thị Khánh	Linh	TDV016765	2	23.25	0.5	23.75
1096	Lê Quỳnh	Anh	YTB000502	2	23.25	0.5	23.75
1097	Nguyễn Thị	Mai	TQU003519	2	22.25	1.5	23.75
1098	Phạm Thị	Giang	HDT006413	2	22.75	1.0	23.75
1099	Ma Khánh	Toàn	TQU005698	2	20.25	3.5	23.75
1100	Linh Văn	Phong	TND019536	2	20.25	3.5	23.75
1101	Lương Mạnh	Hưng	TND011547	2	20.25	3.5	23.75
1102	Lù Thị	Yến	TQU006622	2	20.25	3.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1103	Trịnh Thị Hồng	Nhung	BKA010004	2	22.25	1.5	23.75
1104	Trần Thị Kim	Oanh	THV010140	2	22.25	1.5	23.75
1105	Hoàng Hải	Yến	THV015567	2	20.25	3.5	23.75
1106	Quàng Văn	Kéo	TTB003029	2	20.25	3.5	23.75
1107	Lưu Thị Thu	Hằng	SPH005586	2	22.75	1.0	23.75
1108	Đỗ Thu	Huyền	BKA005921	2	23.75		23.75
1109	Nguyễn Hương	Ly	HHA008804	1	23.25	0.5	23.75
1110	Nguyễn Văn	Thông	SPH016229	1	22.25	1.5	23.75
1111	Lê Thị	Trang	HDT026601	1	20.25	3.5	23.75
1112	Nguyễn Thị	ánh	LNH000670	1	23.25	0.5	23.75
1113	Hoàng Thị Thu	Hà	THV003469	1	22.25	1.5	23.75
1114	Chu Thị	Hồng	TND009691	1	20.25	3.5	23.75
1115	Ngô Thị	Hằng	TND007355	1	22.75	1.0	23.75
1116	Đặng Hồng	Gấm	LNH002301	1	22.25	1.5	23.75
1117	Trần Thị	Tâm	TND022148	1	20.25	3.5	23.75
1118	Lê Thị Trà	My	TDV019572	1	23.25	0.5	23.75
1119	Nguyễn Thị	Hường	HDT012479	1	22.25	1.5	23.75
1120	Nguyễn Thị	Quyên	HHA011628	1	23.25	0.5	23.75
1121	Nguyễn Thị	Mùi	TDV019535	1	22.25	1.5	23.75
1122	Nông Đức	Toàn	TQU005705	1	20.25	3.5	23.75
1123	Nguyễn Thị Hồng	Yến	TDV036990	1	22.25	1.5	23.75
1124	Đinh Thị Quỳnh	Trang	TDV032107	1	22.75	1.0	23.75
1125	Nguyễn Thị	Nôn	HVN007953	1	22.75	1.0	23.75
1126	Bùi Thị Dương	Anh	HDT000147	1	22.25	1.5	23.75
1127	Hoàng Thị	Duyên	TND004306	1	20.25	3.5	23.75
1128	Lê Thị	Hương	HDT012078	1	22.25	1.5	23.75
1129	Nguyễn Thị	Thúy	KQH013813	1	23.25	0.5	23.75
1130	Lê Minh	Hiền	TDV009786	1	22.75	1.0	23.75
1131	Phan Minh	Anh	HDT001332	1	22.25	1.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1132	Đào Tiến	Tùng	THV014733	1	22.25	1.5	23.75
1133	Trương Phương	Thảo	YTB020000	1	22.75	1.0	23.75
1134	Vũ Thị Tú	Linh	TDV017454	1	22.75	1.0	23.75
1135	Lê Cẩm	Vân	TDV035758	1	22.25	1.5	23.75
1136	Nguyễn Thị	Minh	THP009563	1	23.25	0.5	23.75
1137	Trần Hữu	Đức	TDV006981	1	23.25	0.5	23.75
1138	Nguyễn Quang	Trường	TQU006019	1	22.25	1.5	23.75
1139	Nguyễn Thị Hoàng	Thảo	LNH008515	1	20.25	3.5	23.75
1140	Nguyễn Ngọc	Anh	HDT000974	1	23.25	0.5	23.75
1141	Cao Thị	Phương	HDT019645	1	22.75	1.0	23.75
1142	Nguyễn Thị	Hiền	TND007913	2	22.00	1.5	23.50
1143	Dương Vũ Hồng	Nhung	SPH013028	2	23.00	0.5	23.50
1144	Đàm Thị Thu	An	TND000010	2	20.00	3.5	23.50
1145	Nông Thị Thảo	My	TND016846	2	20.00	3.5	23.50
1146	Phạm Quỳnh	Diệp	YTB003224	2	22.50	1.0	23.50
1147	Hà Thị	Huỳnh	TQU002531	2	20.00	3.5	23.50
1148	Hoàng Hải	Yến	TND029963	2	20.00	3.5	23.50
1149	Nguyễn Thị Kim	Oanh	TDV022958	2	22.50	1.0	23.50
1150	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	2	20.00	3.5	23.50
1151	Trương Thị Kim	Hồng	TQU002155	2	20.00	3.5	23.50
1152	Nguyễn Quang	Duẩn	KHA001631	2	22.50	1.0	23.50
1153	Trần Lệ	Tĩnh	TTB006645	2	22.00	1.5	23.50
1154	Cao Thị Kim	Oanh	DHU016837	2	22.00	1.5	23.50
1155	Phan Thị	Hương	TDV014467	2	22.00	1.5	23.50
1156	Đinh Thị	Vũ	TTB007537	2	20.00	3.5	23.50
1157	Dương Diệu	Oanh	TND019258	2	20.00	3.5	23.50
1158	Nguyễn Thị Trà	My	THV008835	2	22.00	1.5	23.50
1159	Nguyễn Thị	Dung	HVN001623	2	22.50	1.0	23.50
1160	Hoàng Thị	Tú	TND027468	2	20.00	3.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1161	Nguyễn Thị	Thơ	THV012748	2	20.00	3.5	23.50
1162	Đặng Thị	Chinh	BKA001641	2	22.50	1.0	23.50
1163	Nguyễn Thị Hoài	Thu	TDV029849	2	23.00	0.5	23.50
1164	Hoàng Thị Ngọc	Như	TND019084	2	20.00	3.5	23.50
1165	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	DCN012825	2	22.00	1.5	23.50
1166	Dương Thị	Hiền	HHA004534	2	23.00	0.5	23.50
1167	Triệu Thị Tuyết	Nga	THV009192	2	20.00	3.5	23.50
1168	Đặng Thị	Thương	TDV030936	2	23.00	0.5	23.50
1169	Nguyễn Thành	Lâm	THV007039	2	22.00	1.5	23.50
1170	Phạm Minh	Phượng	TQU004362	2	22.00	1.5	23.50
1171	Nguyễn Thị	Trà	THP014966	2	22.50	1.0	23.50
1172	Trần Thị Hà	Trang	YTB023098	2	23.00	0.5	23.50
1173	Phạm Thị Ngọc	Nhung	TLA010569	2	23.50		23.50
1174	Trần Đức	Dũng	HDT004396	1	22.50	1.0	23.50
1175	Hoàng Thị Thanh	Lan	TQU002916	1	20.00	3.5	23.50
1176	Lục Thị	Mến	TND016379	1	20.00	3.5	23.50
1177	Đinh Thị	Huệ	LNH003865	1	23.00	0.5	23.50
1178	Vì Phương	Thảo	TDV028494	1	20.00	3.5	23.50
1179	Nguyễn Minh	Tiến	KHA010077	1	22.50	1.0	23.50
1180	Ngô Thị Ngọc	Anh	HDT000885	1	22.00	1.5	23.50
1181	Triệu Văn	Cao	TND002019	1	20.00	3.5	23.50
1182	Lê Thị Thúy	Hằng	YTB006968	1	22.50	1.0	23.50
1183	Nguyễn Thị	Nga	TND017365	1	22.00	1.5	23.50
1184	Trương Thị	Thực	HDT025413	1	22.50	1.0	23.50
1185	Phạm Thùy	Linh	TQU003243	1	21.00	2.5	23.50
1186	Phạm Thị Thúy	Loan	DCN006713	1	22.50	1.0	23.50
1187	Nguyễn Thị Thu	Thủy	SPH016603	1	22.00	1.5	23.50
1188	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	TDV001819	1	22.00	1.5	23.50
1189	Hoàng Thị	Gió	TQU001378	1	20.00	3.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1190	Nguyễn Thị Lan	Anh	HDT001069	1	22.50	1.0	23.50
1191	Nguyễn Thị	Oanh	TDV022997	1	22.50	1.0	23.50
1192	Tô Thị	Hường	TND012241	1	20.00	3.5	23.50
1193	Nguyễn Thanh	Bình	TTB000419	1	22.00	1.5	23.50
1194	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011511	1	22.00	1.5	23.50
1195	Lưu Thị Minh	Châu	THV001217	1	22.00	1.5	23.50
1196	Lê Thị	Thoa	HDT024151	1	22.50	1.0	23.50
1197	Hà Thị Thu	Trang	THV013695	1	20.00	3.5	23.50
1198	Nguyễn Thị	Yến	TND030071	1	20.00	3.5	23.50
1199	Trần Thị	Thúy	TDV030762	1	22.50	1.0	23.50
1200	Trần Ngọc	ánh	THV000852	1	22.00	1.5	23.50
1201	Thào Thu	Phượng	THV010557	1	20.00	3.5	23.50
1202	Nguyễn Thị	Thoan	TDV029460	1	22.50	1.0	23.50
1203	Nguyễn Thị	Hồng	SPH007020	1	22.50	1.0	23.50
1204	Bùi Thị	Thùy	HDT024756	1	22.50	1.0	23.50
1205	Nguyễn Thị	Hương	HDT012206	1	22.00	1.5	23.50
1206	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010153	1	22.50	1.0	23.50
1207	Ngô Phương	Đông	YTB005139	2	22.25	1.0	23.25
1208	Nguyễn Thị	Châm	HDT002396	2	22.25	1.0	23.25
1209	Ngô Tất	Đạt	SPH003876	2	23.25		23.25
1210	Trần Trọng	Thông	LNH008947	2	22.75	0.5	23.25
1211	Nguyễn Mạnh	Chí	SPH002467	2	22.25	1.0	23.25
1212	Lê Thị Lệ	Quyến	TND020902	2	21.75	1.5	23.25
1213	Đỗ Thị	Hằng	THV003987	2	21.75	1.5	23.25
1214	Trần Quang	Huy	TQU002382	2	21.75	1.5	23.25
1215	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000588	2	22.25	1.0	23.25
1216	Đặng Minh	Khôi	BKA006829	2	22.25	1.0	23.25
1217	Phùng Thị	Hồng	DCN004460	2	22.75	0.5	23.25
1218	Nguyễn Ngọc	Lâm	THP007920	2	22.75	0.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1219	Vi Văn	Son	THV011363	2	19.75	3.5	23.25
1220	Giàng A	Dơ	THV001993	2	19.75	3.5	23.25
1221	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	HDT014558	2	22.75	0.5	23.25
1222	Trần Thị	Quỳnh	KQH011676	2	22.25	1.0	23.25
1223	Nguyễn Thanh	Hoa	LNH003452	2	22.75	0.5	23.25
1224	Nguyễn Văn	Huỳnh	THP006769	2	22.25	1.0	23.25
1225	Phan Thị	Tình	TND025687	2	19.75	3.5	23.25
1226	Phạm Thị	Lam	HDT013083	2	21.75	1.5	23.25
1227	Lâm Thị	Quyên	TND020773	2	19.75	3.5	23.25
1228	Quách Văn	Long	TQU003359	2	19.75	3.5	23.25
1229	Hứa Phương	Thảo	HDT023104	2	21.75	1.5	23.25
1230	Lê Thị	Khánh	HDT012671	1	22.25	1.0	23.25
1231	Đinh Thị	Thu	TDV029780	1	22.25	1.0	23.25
1232	Hoàng Thị	Trang	DCN011689	1	22.25	1.0	23.25
1233	Nguyễn Thị	Hoài	TDV011315	1	21.75	1.5	23.25
1234	Nguyễn Thị	ánh	TDV001787	1	21.75	1.5	23.25
1235	Trần Thị	Nga	THP010043	1	22.25	1.0	23.25
1236	Nguyễn Thu	Hà	THP003884	1	22.25	1.0	23.25
1237	Cao Thị	Thơm	THP013977	1	22.25	1.0	23.25
1238	Mai Thị Thủy	Tiên	DND024539	1	22.25	1.0	23.25
1239	Kiều Thị Thu	Thảo	LNH008473	1	21.75	1.5	23.25
1240	Phàn Mùi	Mấy	TQU003577	1	19.75	3.5	23.25
1241	Vi Thị Linh	Đan	HDT005108	1	19.75	3.5	23.25
1242	Nguyễn Tuấn	Anh	LNH000478	1	19.75	3.5	23.25
1243	Trần Thị	Hoa	TDV010974	1	22.25	1.0	23.25
1244	Hoàng Thị Thảo	Hương	TND011772	1	19.75	3.5	23.25
1245	Hà Thị	Duyên	TDV005252	1	21.75	1.5	23.25
1246	Nguyễn Thị Minh	Hằng	THV004063	1	21.75	1.5	23.25
1247	Lục Thị ánh	Đào	HDT005131	1	19.75	3.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1248	Nguyễn Hải	Nam	HHA009549	1	22.25	1.0	23.25
1249	Lò Thị	Thanh	TTB005812	1	19.75	3.5	23.25
1250	Nguyễn Thị	Lan	TQU002928	1	21.75	1.5	23.25
1251	Nguyễn Hoàng Mỹ	Linh	THP008322	1	22.25	1.0	23.25
1252	Hoàng Thị	Mến	THV008642	1	21.75	1.5	23.25
1253	Quách Thị	Châm	LNH000911	1	19.75	3.5	23.25
1254	Bùi Thị	Lê	LNH005057	1	19.75	3.5	23.25
1255	Đỗ Phương	Thảo	KQH012524	1	22.75	0.5	23.25
1256	Nguyễn Thị Thùy	Trang	THP015230	1	22.75	0.5	23.25
1257	Đỗ Trung	Hiếu	YTB007859	1	22.25	1.0	23.25
1258	Vương Thị	Yến	YTB025924	1	22.25	1.0	23.25
1259	Nguyễn Hồng	Sơn	TDV026249	1	21.75	1.5	23.25
1260	Lê Hữu	Thanh	HDT022554	1	22.75	0.5	23.25
1261	Cao Thị	Trang	HHA014409	1	22.75	0.5	23.25
1262	Triệu Thị	Chuyên	TND002746	1	19.75	3.5	23.25
1263	Trịnh Tiến	Cường	TLA002331	1	20.25	3.0	23.25
1264	Ngô Thị Thanh	Huyền	HVN004623	1	22.75	0.5	23.25
1265	Nguyễn Thị Thảo	Quỳnh	LNH007762	1	22.75	0.5	23.25
1266	Phạm Thị	Trang	THV013962	4	21.50	1.5	23.00
1267	Vũ Hồng	Ngọc	THV009610	4	21.50	1.5	23.00
1268	Nguyễn Thị Minh	Dung	SPH003077	2	22.00	1.0	23.00
1269	Nguyễn Thị	Hoài	TDV011379	2	22.00	1.0	23.00
1270	Hoàng Thanh	Hằng	THV004023	2	21.50	1.5	23.00
1271	Mê Thị Thu	Hạnh	TTB001932	2	19.50	3.5	23.00
1272	Trần Thị	Ngọc	HDT018152	2	22.50	0.5	23.00
1273	Nguyễn Nam	Huyền	KQH006033	2	22.00	1.0	23.00
1274	Trịnh Thị	Hoa	TND008866	2	19.50	3.5	23.00
1275	Tần Mỹ	Chài	THV001149	2	19.50	3.5	23.00
1276	Hoàng Thị	Trang	TDV032273	2	21.50	1.5	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1277	Nguyễn Thị	Hiệp	HVN003588	2	22.00	1.0	23.00
1278	Trần Thị Hải	Hà	TDV008055	2	21.50	1.5	23.00
1279	Lê Văn	Hiếu	TTB002228	2	21.50	1.5	23.00
1280	Lộc Thị	Thắm	TND023435	2	19.50	3.5	23.00
1281	Nguyễn Minh	Hạnh	TND006977	2	19.50	3.5	23.00
1282	Phùng Thị	Ngọc	HDT018130	2	22.50	0.5	23.00
1283	Nguyễn Thị	Tuệ	TDV035079	2	21.50	1.5	23.00
1284	Nguyễn Văn	Dũng	TND004026	2	22.00	1.0	23.00
1285	Trần Thị	Dịu	TLA002418	2	22.00	1.0	23.00
1286	Vi Thị Bích	Vân	TND029201	2	19.50	3.5	23.00
1287	Nguyễn Thị	Hợp	KQH005615	2	22.50	0.5	23.00
1288	Doãn Thị Hồng	Nhung	TTB004566	2	21.50	1.5	23.00
1289	Hà Ngọc Huyền	Linh	DCN006249	2	22.50	0.5	23.00
1290	Phạm Thị Thanh	Hòa	SPH006664	2	22.00	1.0	23.00
1291	Lê Ngọc	Anh	HDT000555	2	21.50	1.5	23.00
1292	Chu Thị Kiều	Anh	TQU000019	2	19.50	3.5	23.00
1293	Phùng Thị	Tuyết	TND028663	2	19.50	3.5	23.00
1294	Nông Thị	Lưu	TND015591	2	19.50	3.5	23.00
1295	Vũ Thị Hiền	Hòa	YTB008467	2	22.00	1.0	23.00
1296	Lê Thị	Nhị	HDT018604	2	22.00	1.0	23.00
1297	Vũ Thị	Lý	HDT015908	2	22.00	1.0	23.00
1298	Nguyễn Tiến	Ngọc	TLA010186	2	22.50	0.5	23.00
1299	Lý Văn	Đông	HDT005658	2	22.00	1.0	23.00
1300	Nguyễn Lê Kiều	My	TDV019581	2	22.50	0.5	23.00
1301	Tạ Thị	Huyền	BKA006109	1	22.00	1.0	23.00
1302	Thiều Thị Thanh	Hương	THV006309	1	21.50	1.5	23.00
1303	Hồ Sỹ	Vượng	TDV036515	1	22.00	1.0	23.00
1304	Nông Thị Mĩ	Lan	TND013373	1	19.50	3.5	23.00
1305	Nguyễn Thị Thu	Hoài	TND009167	1	20.50	2.5	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1306	Lương Thị	Thảo	HDT023229	1	21.50	1.5	23.00
1307	Nguyễn Kim	Anh	LNH000322	1	21.50	1.5	23.00
1308	Vũ Thị	ánh	TND001455	1	21.50	1.5	23.00
1309	Lê Thị	Nhung	HDT018763	1	22.00	1.0	23.00
1310	Lưu Thị	Minh	TDV019270	1	22.00	1.0	23.00
1311	Nguyễn Thị	ánh	TLA001446	1	22.00	1.0	23.00
1312	Nguyễn Tiến	Phượng	THV010529	1	21.50	1.5	23.00
1313	Nguyễn Văn	Anh	NLS000294	1	21.50	1.5	23.00
1314	Bạc Thị	Hằng	TTB001986	1	19.50	3.5	23.00
1315	Đào Thúy	Quỳnh	THV011038	1	21.50	1.5	23.00
1316	Nguyễn Huyền	Nhung	TND018921	1	22.50	0.5	23.00
1317	Lê Thị	Hiền	HDT008425	1	21.50	1.5	23.00
1318	Lê Thu	Hồng	HDT010100	1	22.50	0.5	23.00
1319	Liều Thanh	Huyền	TND011126	1	19.50	3.5	23.00
1320	Trần Hoài	Giang	THV003357	1	21.50	1.5	23.00
1321	Đậu Trọng	Hoài	DHU007195	1	22.50	0.5	23.00
1322	Lò Thị	Chung	TTB000738	1	19.50	3.5	23.00
1323	Đào Hải	Quỳnh	DCN009409	1	21.50	1.5	23.00
1324	Nguyễn Thị	Hoài	TQU002003	1	21.50	1.5	23.00
1325	Hồ Thị	Yến	TDV036873	1	22.00	1.0	23.00
1326	Phan Diệu	Anh	TTB000226	1	21.50	1.5	23.00
1327	Đào Thị	Thu	HVN010083	1	22.00	1.0	23.00
1328	Nguyễn Thị	Loan	TQU003318	2	19.25	3.5	22.75
1329	Trần Văn	Tuấn	TND028031	2	19.25	3.5	22.75
1330	Nguyễn Văn	Quốc	KHA008302	2	21.75	1.0	22.75
1331	Doãn Thị Lâm	Phượng	TDV023739	2	21.25	1.5	22.75
1332	Công Văn	Hoan	TND009228	2	19.25	3.5	22.75
1333	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	2	22.75		22.75
1334	Dương Thị	Huệ	THP005994	2	21.75	1.0	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1335	Nguyễn Thị	Diễm	HHA002024	2	21.25	1.5	22.75
1336	Phạm Thị Bích	Hạnh	THP004320	2	22.25	0.5	22.75
1337	Cao Thị Ly	Ly	DHU012424	2	21.75	1.0	22.75
1338	Nguyễn Thị	Hường	HDT012498	2	22.25	0.5	22.75
1339	Nguyễn Minh	Thảo	SPH015664	2	22.75		22.75
1340	Bùi Thị Hồng	Nhung	TND018759	2	21.25	1.5	22.75
1341	Nguyễn Đức	Dung	THV002071	2	22.25	0.5	22.75
1342	Nông Thị Hồng	Thắm	TND023461	1	19.25	3.5	22.75
1343	Phạm Thị Thu	Trang	YTB023039	1	21.75	1.0	22.75
1344	Phạm Hoàng	Lộc	DCN006859	1	21.75	1.0	22.75
1345	Bùi Thị	Hà	HDT006522	1	19.25	3.5	22.75
1346	Hà Kiều	Ly	THV008266	1	19.25	3.5	22.75
1347	Nguyễn Thị Kim	Oanh	HHA010791	1	22.25	0.5	22.75
1348	Lê Thị	Loan	HDT015080	1	21.25	1.5	22.75
1349	Nguyễn Thanh	An	HDT000084	1	21.25	1.5	22.75
1350	Lâm Thị ánh	Phương	SPH013630	1	19.25	3.5	22.75
1351	Nông Thị	Hường	TND012222	1	19.25	3.5	22.75
1352	Phạm Thị Thuỷ	Chung	HHA001747	1	22.25	0.5	22.75
1353	Bùi Thị	Quỳnh	HDT020940	1	21.75	1.0	22.75
1354	Lù Ti	Hình	THV004692	1	19.25	3.5	22.75
1355	Bàn Trung	Thành	TTB005713	1	19.25	3.5	22.75
1356	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	LNH006808	1	21.25	1.5	22.75
1357	Phùng Thị Mỹ	Linh	THV007723	1	21.25	1.5	22.75
1358	Tạ Thị	Diệu	YTB003276	1	21.75	1.0	22.75
1359	Phạm Văn	Long	YTB013481	1	21.75	1.0	22.75
1360	Đào Đức	Thanh	TTB005647	2	21.00	1.5	22.50
1361	Hà Thị Hồng	Hạnh	TQU001532	2	19.00	3.5	22.50
1362	Nguyễn Minh	Thùy	LNH009126	2	19.00	3.5	22.50
1363	Nguyễn Đức	Trung	TND027154	2	22.00	0.5	22.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1364	Phạm Xuân	Tiến	SPH017062	2	22.50		22.50
1365	Trịnh Thị	Hà	HDT007011	2	21.00	1.5	22.50
1366	Vương Thị Mai	Hương	DCN005465	2	22.00	0.5	22.50
1367	Nông Cao	Định	TTN003809	2	19.00	3.5	22.50
1368	Lò Thị Mỹ	Uyên	TTB007358	2	19.00	3.5	22.50
1369	Dư Thanh Hoàng	Tuấn	HDT028086	2	22.00	0.5	22.50
1370	Nguyễn Thu	Hà	SPH004954	2	21.50	1.0	22.50
1371	Nguyễn Thị Kim	Ly	DCN007036	2	21.00	1.5	22.50
1372	Đặng Quỳnh	Anh	SPH000310	2	22.50		22.50
1373	Lê Bình	Sơn	DCN009667	2	22.00	0.5	22.50
1374	Hoàng Thu	Lệ	TND013684	1	19.00	3.5	22.50
1375	Hà Mỹ	Linh	TQU003095	1	21.00	1.5	22.50
1376	Nguyễn Thị Linh	Đan	TDV005791	1	21.00	1.5	22.50
1377	Trần Quang	Anh	TDV001443	1	21.00	1.5	22.50
1378	Phạm Thị	Lan	HVN005564	1	21.50	1.0	22.50
1379	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	TDV034332	1	22.00	0.5	22.50
1380	Nguyễn Thanh	Hằng	TLA004637	1	22.00	0.5	22.50
1381	Nguyễn Văn	Trường	TDV034092	1	21.00	1.5	22.50
1382	Hoàng Thị	Ước	HDT029397	1	21.00	1.5	22.50
1383	Phạm Đình	Phong	HDT019451	1	21.00	1.5	22.50
1384	Đỗ Thị	Huyền	THP006441	1	21.50	1.0	22.50
1385	Nguyễn Thị	Lan	TQU002930	1	21.00	1.5	22.50
1386	Nguyễn Thị Vân	ánh	DHU001017	1	22.00	0.5	22.50
1387	Ngô Thị	Hoa	TDV010816	1	21.50	1.0	22.50
1388	Trương Thị	Vân	TLA015511	2	21.25	1.0	22.25
1389	Nguyễn Linh	Lộc	TND015222	2	20.75	1.5	22.25
1390	Hoàng Thị	Nụ	YTB016677	2	21.25	1.0	22.25
1391	Đinh Thị Nhật	Lệ	KHA005420	2	21.25	1.0	22.25
1392	Dương Thị	Bình	TDV002454	2	20.75	1.5	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1393	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010119	2	21.25	1.0	22.25
1394	Vũ Thị	Phương	TND020139	2	20.75	1.5	22.25
1395	Triệu Thị Thu	Trang	TND026717	2	18.75	3.5	22.25
1396	Khổng Thị	Thơ	SPH016235	2	21.25	1.0	22.25
1397	Nguyễn Thị	Tươi	KQH015892	2	21.25	1.0	22.25
1398	Chu Thị	Hồng	KQH005501	2	21.25	1.0	22.25
1399	Nguyễn Thị	Trang	TDV032806	2	21.75	0.5	22.25
1400	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	LNH003170	2	21.75	0.5	22.25
1401	Sùng Seo	Vàng	THV015071	2	18.75	3.5	22.25
1402	Nguyễn Thị Hồng	Loan	KQH008188	2	21.75	0.5	22.25
1403	Nguyễn Khánh	Ly	TND015702	2	20.75	1.5	22.25
1404	Diệp Tiên	Nữ	HHA010750	2	18.75	3.5	22.25
1405	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	2	20.75	1.5	22.25
1406	Nông Thảo	Lam	TND013196	2	18.75	3.5	22.25
1407	Trịnh Hà	Mi	HDT016427	1	21.25	1.0	22.25
1408	Trần Thị Như	Quỳnh	TDV025653	1	21.25	1.0	22.25
1409	Ma Thị	Hạ	TQU001461	1	18.75	3.5	22.25
1410	Phạm Thị Tâm	Trang	HDT027044	1	21.75	0.5	22.25
1411	Nguyễn Thị	Nga	TDV020522	1	21.25	1.0	22.25
1412	Nguyễn Phương	Ngân	DCN007939	1	21.75	0.5	22.25
1413	Trương Thị Thúy	An	YTB000084	4	21.50	0.5	22.00
1414	Trần Thị Thảo	Nguyên	TND018282	2	20.50	1.5	22.00
1415	Nông Văn	Hà	TND006411	2	18.50	3.5	22.00
1416	Lê Thị Thuỳ	Linh	KQH007818	2	21.50	0.5	22.00
1417	Lê Thị	Loan	LNH005546	2	21.50	0.5	22.00
1418	Hà Duy	Khánh	LNH004763	2	18.50	3.5	22.00
1419	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	2	20.50	1.5	22.00
1420	Diệp Thành	Hạnh	TND006863	2	18.50	3.5	22.00
1421	Đào Thị Minh	Anh	TTB000065	2	20.50	1.5	22.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1422	Hoàng Thị	Oanh	TND019306	2	20.50	1.5	22.00
1423	Lương Võ	Khánh	TND012565	2	18.50	3.5	22.00
1424	Hoàng Thị Hải	Yến	SPH019797	2	21.50	0.5	22.00
1425	Hoàng Thị Hà	Trang	THV013710	2	18.50	3.5	22.00
1426	Nguyễn Văn	Biên	HVN000954	2	21.00	1.0	22.00
1427	Vũ Thị	Ly	SPH010893	2	20.50	1.5	22.00
1428	Đào Thị Hà	My	TQU003657	2	20.50	1.5	22.00
1429	Đào Thị	Huyền	LNH004171	2	21.50	0.5	22.00
1430	Phó Văn	Trần	SPH017934	1	18.50	3.5	22.00
1431	Dương Thị Thu	Hương	THV006114	1	20.50	1.5	22.00
1432	Ngô Thủy	Vy	HHA016421	1	22.00		22.00
1433	Lưu Thị	Thoa	TND024098	1	18.50	3.5	22.00
1434	Bùi Thị	Nhung	HDT018633	1	20.50	1.5	22.00
1435	Nguyễn Tiến	Linh	TDV017030	1	20.50	1.5	22.00
1436	Cao Thị	Phượng	DCN009008	1	21.00	1.0	22.00
1437	Đình Minh	Phượng	KHA007905	3	20.75	1.0	21.75
1438	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	TDV005593	2	21.25	0.5	21.75
1439	Quách Thị Thu	Huyền	KQH006348	2	21.25	0.5	21.75
1440	Hoàng Thị	Tâm	TND022051	2	18.25	3.5	21.75
1441	Lìm Thị	Luyến	THV008152	2	18.25	3.5	21.75
1442	Phạm Viết	Khởi	THP007553	2	21.25	0.5	21.75
1443	Nông Sầm Thị	Hạnh	TND007025	2	18.25	3.5	21.75
1444	Lô Kiều	Ngân	TND017565	2	18.25	3.5	21.75
1445	Trần Thị Quỳnh	Hoa	YTB008328	2	20.75	1.0	21.75
1446	Đặng Thị	Mùi	TDV019532	1	20.25	1.5	21.75
1447	Trần Thị Thu	Uyên	TQU006376	1	20.25	1.5	21.75
1448	Hoàng Thị	Tuyển	TND028517	2	18.00	3.5	21.50
1449	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017612	2	20.50	1.0	21.50
1450	Hoàng Phương	Bắc	TTB000353	2	18.00	3.5	21.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1451	Trần Thị	Nhâm	HDT018444	2	20.00	1.5	21.50
1452	Đinh Thị Thanh	Ngân	LNH006495	2	21.00	0.5	21.50
1453	Nguyễn Thị	Ngọc	HVN007495	2	20.50	1.0	21.50
1454	Nguyễn Thị Kim	Dung	DCN001735	2	20.50	1.0	21.50
1455	Đỗ Minh	Sỹ	TQU004831	2	18.00	3.5	21.50
1456	Nguyễn Thúy	Nga	HHA009760	2	20.00	1.5	21.50
1457	Ngô Văn	Tĩnh	THV013504	2	18.00	3.5	21.50
1458	Phạm Thị	Ngọc	TTB004405	2	18.00	3.5	21.50
1459	Vũ Thị Phương	Dung	TTB001183	2	20.00	1.5	21.50
1460	Triệu Thị Thu	Hà	TQU001448	2	20.00	1.5	21.50
1461	Lê Thị	Trang	TLA013996	1	20.50	1.0	21.50
1462	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TND017359	1	18.00	3.5	21.50
1463	Mào Thị	Duyên	TTB001293	1	18.00	3.5	21.50
1464	Lê Nguyễn Phương	Nhung	TDV022345	1	20.00	1.5	21.50
1465	Đàm Văn	Minh	TQU003599	1	20.00	1.5	21.50
1466	Đào Bích	Ngọc	THV009420	1	18.00	3.5	21.50
1467	Nguyễn Thị	Lan	TDV015628	1	20.00	1.5	21.50
1468	Nguyễn Lê Trung	Anh	TTB000172	1	20.00	1.5	21.50
1469	Nông Quang	Đạo	TND004831	2	17.75	3.5	21.25
1470	Lê Quang	Dụng	YTB003879	2	20.25	1.0	21.25
1471	Phạm Anh	Tuấn	TND027979	2	20.25	1.0	21.25
1472	Nguyễn Văn	Khởi	TND012782	2	19.75	1.5	21.25
1473	Lê Thủy	Tiên	HDT025666	2	20.25	1.0	21.25
1474	Hoàng Khánh	Lâm	TQU002959	2	17.75	3.5	21.25
1475	Nguyễn Khắc	Toàn	HDT025991	1	20.25	1.0	21.25
1476	Bế Ngọc	Hải	TND006560	1	17.75	3.5	21.25
1477	Hoàng Văn	Hữu	TND012348	1	17.75	3.5	21.25
1478	Đinh Kiều	Anh	TND000234	1	17.75	3.5	21.25
1479	Đỗ Thùy	Dương	HDT004765	1	19.75	1.5	21.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1480	Lê Thị Ngọc	ánh	TTN000767	1	19.75	1.5	21.25
1481	Tòng Thị	Thanh	TTB005701	1	17.75	3.5	21.25
1482	Vũ Văn	Tĩnh	HHA014243	1	20.75	0.5	21.25
1483	Nguyễn Thị Thuý	Vân	YTB024988	2	20.00	1.0	21.00
1484	Nguyễn Văn	Tâm	TLA012075	2	20.00	1.0	21.00
1485	Đào Thị Thu	Thủy	SPH016538	2	20.00	1.0	21.00
1486	Lò Thị	Hoài	TTB002407	2	17.50	3.5	21.00
1487	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	2	19.50	1.5	21.00
1488	Ngô Châu	Giang	TQU001311	1	19.50	1.5	21.00
1489	Lê Thị	Huyền	YTB009944	2	19.75	1.0	20.75
1490	Dương Thị	Cúc	TQU000628	2	17.25	3.5	20.75
1491	Lê Thị	Sơn	HDT021668	2	19.25	1.5	20.75
1492	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	2	20.25	0.5	20.75
1493	Vũ Thành	Duy	TND004268	1	19.25	1.5	20.75
1494	Lý Thị Ngọc	ánh	TQU000274	1	19.25	1.5	20.75
1495	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	2	20.00	0.5	20.50
1496	Hoàng Thúy	Quỳnh	TDV025377	1	19.50	1.0	20.50
1497	Nguyễn Thị Hoa	Mai	THV008419	1	19.00	1.5	20.50
1498	Thân Thị Diệu	Linh	TND014731	2	18.75	1.5	20.25
1499	Lê Thành	Nam	HDT017020	2	18.75	1.5	20.25
1500	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	HDT011559	2	19.75	0.5	20.25
1501	Hà Thị	Huyền	TND011064	2	16.50	3.5	20.00
1502	Nguyễn Thị	Nga	TQU003794	2	16.50	3.5	20.00
1503	Võ Thị Mai	Oanh	TDV023168	2	18.75	1.0	19.75
1504	Hoàng Thị	Mây	TQU003574	3	16.00	3.5	19.50
1505	Phan Thanh	Lịch	TND013784	2	16.00	3.5	19.50
1506	Hoàng Quốc	Việt	YTB025121	2	18.50	1.0	19.50
1507	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008759	2	17.75	1.5	19.25
1508	Đỗ Thị Hương	Trang	KQH014364	2	18.50	0.5	19.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1509	Nguyễn Hải	Hà	DCN002868	1	18.50	0.5	19.00
1510	Phạm Thị	Thanh	THP013075	2	18.00	0.5	18.50
1511	Nguyễn Thị Bích	Phương	THV010491	2	17.00	1.5	18.50
1512	Lò Minh	Tiến	TTB006573	2	15.00	3.5	18.50
1513	Trương Đức	Quý	LNH007630	1	15.00	3.5	18.50
1514	Nguyễn Văn	Hoàng	KHA004037	2	17.75	0.5	18.25
1515	Nguyễn Lâm	Anh	TND000654	2	16.75	1.5	18.25
1516	Lê Trung	Kiên	THV006740	2	15.50	2.5	18.00
1517	Hoàng Minh	Anh	YTB000411	2	16.75	1.0	17.75
1518	Nguyễn Viết	Tiến	KQH014099	2	17.00	0.5	17.50
1519	Lã Thị Minh	Ngọc	KHA007209	2	16.75	0.5	17.25
1520	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	2	15.25	1.5	16.75
1521	Lê Hồng	Sơn	LNH007926	1	15.00	0.5	15.50
1522	Lò Văn	Thanh	TTB005679	2	11.50	3.5	15.00

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU